Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

FEB 10 1969
LIBRARY

Xin dùng SẢN PHẨM do VIỆT-TÂN HÓA PHẨM CÔNG-TY SẢN XUẤT
Hiệu BẠCH-HOA
BỘT GIẶT (DETERGENT)
THUỐC GỘI ĐẦU
BỘT RỬA SẠCH
XÀ BÔNG "ÉPONGE" THƠM
HÀNG VẢI CÁC LOẠI ĐƯỢC BẢO ĐẢM
KHÔNG GÀU KHÔNG NGỨA
CHÉN DĨA SẠCH BÓNG
DỤNG CỤ NHÀ BẾP NHÀ TẮM SÁNG NHƯ MỚI
BẠCH HOA
TỔNG PHÁT HÀNH SANH-XƯƠNG 98, LÊ-QUANG-LIÊM CHOLON
Đ.T.: 37096
XƯỞNG: 415, LỤC-TỈNH CHOLON

同奈文集

Thơ từ và bài vở, xin đề : Ông An Cư
393B, đại lộ Trần Hưng-Đạo
SAIGON

Nhà Sách KHAI-TRÍ
62, Đại Lộ Lê-Lợi SAIGON

Giá nhứt định : 20$

Saigon
AP95
V6D678
v.3, #22
Oct. 1968

nguyệt-san **ĐỒNG-NAI** *Văn-Tập*

năm thứ ba chủ nhiệm kiêm chủ bút : **an cư** *quyển* **22**

lê duy tâm

THƠ
gởi
NGƯỜI TRÍ THỨC VIỆT NAM

Bộ mới : số **11**
15 tháng 10 năm 1968

Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Bài vở đều qua sự chọn lọc

của ông AN-CƯ

giảng viên Đại Học Văn Khoa và Đại Học Sư Phạm Cần thơ

QUÍ VỊ SẼ ĐƯỢC VỪA LÒNG

tại nhà hàng KIM-LONG

51-53, đại lộ Tổng-đốc Phương (CHỢ-LỚN)
Điện-thoại : số 37.389

Món ăn Quảng đông – Tiếp đãi châu đáo

TIỆM TƯƠNG TỨ HÒA

93, đường Chu văn An (Chợlớn)

Có bán sỉ và lẻ đủ thứ nước tương, chao, tương ớt, củ kiệu hảo hạng

XƯỞNG CƯA MÁY

NGUYÊN HƯNG

91, đường Tùng Thiện Vương (Chợlớn)

Lãnh cưa súc ăn công

giá phải chăng

nguyệt-san **ĐỒNG-NAI** *Văn-Tập*

năm thứ ba **PHÁT HUY VĂN HÓA DÂN TỘC** *quyển* **22**

chủ nhiệm kiêm chủ bút : **an cư**

TRONG TẬP 22 :

Số trang

3	*sấm sét*	*an cư*
10	*theo nẻo đường dân tộc*	*nam phong*
11	*mua đất ở Úc châu*	*an cư*
25	*thơ gởi người trí thức Việt Nam*	*lê duy tâm*

— Giấy phép số 3974 TBTTCH/BC 1 đề ngày 11-9-1967

Bộ mới : số 11

Xuất bản mỗi tháng vào ngày 15

Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

CHÀNH CÂY **PHÙNG HÍA**

187-189, đường Nguyễn Trãi (Chợlớn)

— Bán đủ kích thước **ván**
và **đòn tay cất nhà**

— Có đủ loại gỗ
DẦU, SAO, BẰNG LĂNG

MUA BÁN THIỆT THÀ VÀ ĐỨNG ĐẮN

CHÀNH CÂY **VINH THẠNH**

631, đường Trần Quốc Toản (Chợlớn)

(phía trong Quận Sáu)

— Chuyên bán **đòn tay, ván gỗ**
Huỳnh dùng đóng thùng xe camion

— Và bán đủ thước tấc **ván đòn tay**
gỗ Dầu, Sao

SẤM SÉT

● bài của AN CƯ

Tấn và Bông, mỗi người nằm trên một chiếc ghế xếp mướn, nhìn ra mặt biển.

Vũng Tàu một buổi trưa mùa thu. Vắng vẻ, vì thưa thớt bóng người bơi lội. Sóng vỗ ầm ầm. Trời nắng chang chang, lạ lùng lại có cụm mây đen vắt trên một góc trời.

Tấn nhìn vơ vẩn ngoài xa. Bông lim dim đôi mắt.

Tấn thở dài. Chàng lúc nào cũng thấy không vừa lòng mình, cũng thấy hối hận, một thứ hối hận vừa sâu đậm, vừa mù mờ, vì chàng không bao giờ dám nghĩ thẳng vào vấn đề. Từ sau 1945, trong lúc toàn dân kháng Pháp, cũng như một số thanh niên khác, chàng du học phây phây bên Pháp. Đừng nói đến chuyện hy sinh, đổ máu cho quốc gia dân tộc, đến chuyện đổ một giọt mồ hôi cho đất nước, chàng cũng không từng có. Mỗi lần nghĩ tới, Tấn lấy làm xấu hổ.

Không những vậy, Tấn lại bước mãi trên con đường *« quyền cao tước trọng »*, nhờ mảnh bằng tiến sĩ và nhứt là nhờ sự cộng tác với thực dân Pháp xâm lược, vày xéo non sông đất tổ. Chàng tự thấy rất rõ rệt : « Chàng đem tài trí sở học phục vụ cho quân thù và phản bội lại quốc gia dân tộc ». Chàng lúc nào cũng bồi hồi, e sợ người dân, người dân của quảng đại quần chúng, thấy được bản mặt thật của con người chàng, làm Việt gian vì sự giàu có, vì

đều êm xuôi. Không. Bọn bán nước đã hợp tác với quân xâm lược Pháp phải đền tội, chớ không để cho họ yên được... » Hiện giờ, trong chánh trường, còn lều nghều không biết bao nhiêu bọn bán nước hồi thời kỳ Pháp, nắm giữ phây phây những ngôi vị then chốt tột đỉnh.

Thủy triều càng lên cao, sóng vỗ càng ầm ĩ, như muốn quét sạch những gì dơ bẩn của thời đại chiến loạn, nước mặn bắn tung toé, văng vào mặt hai người.

Tấn liếc mắt nhìn Bông, rùn mình.

★

Càng về chiều, gió biển thổi càng mạnh. Trên bãi cát trắng, mấy con còng chạy chơi nhanh nhẩu.

Bông có vẻ nhăn nhó, đau khổ. Tấn vỗ nhẹ vào vai bạn, nói : « Bông à, tao biết mầy khinh tao lắm. Nhưng mầy hãy nghĩ lại cho tao : Mười mấy năm sống bên Pháp ; về đây, tao thấy xa lạ lắm, xa lạ với đồng bào về nếp sống, về nếp tư tưởng. Tao tưởng : Con người ta chỉ cần có tiền, có địa vị để tạo hạnh phúc, đó là cứu cánh của một đời người. Hơn nữa, vợ tao lại giàu ; mầy có thấy ngôi nhà mà ông già vợ của tao cho tao tại đường Trần Quý Cáp (Saigon) huy hoàng lộng lẫy thua gì dinh Gia Long. Tao thấy trong hoàn cảnh của tao, nếu không làm ông tổng giám đốc nầy, không làm ông bộ trưởng nọ, thì mầy biểu tao làm gì bây giờ ? Còn cái gọi là quốc gia, cái gọi là dân tộc, nói thiệt mầy, tao không cần biết ; đối với tao, những cái ý niệm đó trừu tượng quá, mông lung quá, không đem hạnh phúc thiết thực cho tao ».

Tấn dừng lại, dò xét.

Bông đứng dậy, bước đi... Tấn chạy theo, hỏi : « Bộ mầy giận tao hả ? ». Bông lạnh lùng : « Giận mầy để làm gì ? ». Hai người bạn bước đi trên cát, tiếng chân nghe sột sạt, không nói với nhau một lời. Hồi lâu, Bông như than thở một mình : « Hèn chi nhân dân miền Nam này, ngày

nay, không có một chút tin tưởng vào bọn trí thức... Mà phải, trông cậy làm sao được, nhứt là bọn trí thức du học từ ngoại quốc về, họ coi rẻ quảng đại quần chúng mà họ cho là một lũ dốt nát dần độn, lại học đòi đánh lại với các cường quốc như Pháp, Mỹ... » Bông trầm ngâm hồi lâu, nhìn vào khoảng không, tận ngoài khơi, lẩm bẩm : « Tấn ơi, tao thương hại mầy. Mỗi lần cải tổ chánh phủ, thì vợ mầy, ông già vợ mầy, mầy nữa... hết chạy kiếm ông đại sứ ngoại quốc, thì lại chạy tìm người đứng ra thành lập chánh phủ. Tao thấy cha con tụi mầy, vợ chồng tụi mầy bận rộn suốt đời điệu đó. Tao thấy xấu hổ cho tụi bây quá. Mầy không còn một chút nhân tánh, nhân cách... ».

Bông nhìn thẳng vào mặt Tấn : « Vậy mà mầy tuyên bố *chống cộng* rầm rầm, mầy đâu có khác gì mấy ông Trần văn Hữu, Nguyễn văn Tâm, Bảo Đại, Ngô Đình Diệm... đâu ? » Tấn rụt rè, nói nho nhỏ : « Bông à, mầy phải thông cảm tao chớ. Nếu tao không làm vậy, thì tụi Mỹ đâu có xài tao... Tao nói mầy biết : Tham chánh cũng là một hình thức đầu tư, có khác là đặt một tụ hơi lớn, đặt vào đó phẩm cách và lương tri của mình... »

Nghe Tấn nói, Bông ngửa mặt lên trời cười lớn, tiếng cười rổn rảng tung nhịp trên các ngọn sóng dữ. Mặt chàng ràn rụa nước mắt.

Nắng biển tắt dần chạy ra ngoài chân trời.

★

Hơi mát hoàng hôn xuống dần. Triều tư tưởng càng dâng cao.

Tấn nói, giọng hơi cáu : « Bông à, mầy muốn điên thì cứ điên. Tao không làm sao nghe mầy. Đang có tiền của, đang có địa vị, tao còn mong gì hơn ? Tao ước ao thời gian cứ trôi qua như vầy, có chiến tranh, mặc kệ. Có xâm lăng, tao không cần biết. Có mất chủ quyền quốc gia không, tao không cần biết. Có hòa bình không, tao cũng không cần biết. Điều quan trọng là tao nè, gia đình tao nè,

sống có hạnh phúc. Đủ rồi. Đủ rồi Đủ lắm rồi. Nói thiệt mầy : Có chủ quyền quốc gia, có hòa bình, mà nếu tao và gia đình tao không được đầy đủ như bây giờ, thì chủ quyền quốc gia đó, hòa bình đó có ích gì cho tao... ? »

Bông vẫn trầm lặng.

Tấn nói tiếp : « Tao hiểu lắm, Bông à. Mầy lúc nào cũng nghĩ tới những khu nhà cửa rộng thênh thang bị chiến tranh thiêu rụi và mầy nghĩ tới mỗi ngày bao nhiêu người Việt nam bị chết oan vì chiến tranh. Mầy còn nghĩ đến bao nhiêu thảm trạng khác nữa do chiến tranh gây ra. Như vậy thì đầu óc mầy chỉ có một chiều. Bông à, mầy biết không ? Nếu có những thằng trốn quân dịch khốn khổ thì cũng có những thằng làm giàu bằng áp phe quân dịch. Có người bị cháy nhà bần cùng hóa đến cực độ, thì lại có những kẻ làm giàu bằng sự lãnh xây cất lại nhà cửa. Đến nỗi..... có nhiều chủ tiệm bán hồm « *hốt bạc* » sưởng ra mặt.

Bông à, mầy luôn luôn đứng về phía những người bị nạn chiến tranh, tại sao mầy không đứng về bên những kẻ phát đạt nhờ chiến tranh, hay nói cho rõ hơn, đứng về phía những kẻ đầu cơ chiến tranh ?.., ».

Nghe các lý luận kỳ quặc « *tán tận lương tâm* » của Tấn, Bông cúi gằm xuống khóc đến méo cả miệng, tiếng khóc rồ rộ nghe thê thảm làm sao, vọng lại với tiếng gào thét của những đợt sóng cuồng loạn.

Bóng đêm đã buông tỏa xuống cùng khắp bãi biển. Như để đáp lại những lời nói của Tấn, có nhiều lằn chớp sáng nhá dọa cả một góc trời.

★

Bông suy tư.

Một số trí thức Việt nam sao tệ quá ! Họ chỉ biết hưởng thụ, mượn trăm ngàn thứ chiêu bài đẹp đẽ, sử dụng bất

cứ thủ đoạn nào, dầu lưu manh đến bực nào, miễn là đạt được sự giàu có, địa vị uy quyền. Họ trốn tránh hết những nghĩa vụ con người, nghĩa vụ xã hội, nghĩa vụ quốc gia. Họ chỉ biết cá nhân của họ, gia đình của họ, đôi khi, họ dám dùng cả vợ họ, để làm phương tiện, công cụ mà săn lấy sự giàu có, chức tước địa vị.,.. Hiện thời những con người như Tấn không phải hiếm có.

Trái lại từ năm 1945 tới nay, những con người biết chánh nghĩa, dám hy sinh cho chánh nghĩa, phần lớn xuất thân từ giai từng dốt nát cùng đinh, một em bé đánh giày, một chị đàn bà gánh nước mướn, một anh phu đạp cyclo...

Vậy mà một số trí thức « *vô lương tâm* », hèn nhát, đốn mạt... lại dám chụp mũ những con người nghèo nàn nhưng « *có đại nghĩa* » đó là Cộng sản. Đồng thời, họ chụp mũ bất cứ những ai yêu chuộng *tự do, dân chủ, hòa bình,* và những ai *chống ngoại xâm* là cộng sản. Đối với họ, chỉ có làm Việt gian bán nước, sống ích kỷ, cá nhân hưởng thụ thì là có chánh nghĩa, có đại nghĩa.

Bông âm thầm nghĩ tới sấm sét trong những ngày gần đây sẽ đánh bay đầu bọn trí thức « *bất chánh* » của thời đại.

Mặt biển dao động dữ dội như trời long đất lở. Sóng gió gào vang. Sấm sét nhá đầy trời, mưa đổ xuống như trút.

Tấn bịt tai chạy dài, tìm nơi lẩn trốn...

AN CƯ

NHÓM ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

— lãnh in sách và tác-phẩm
— việc làm kỹ-lưỡng.

TAO ĐÀN

theo nẻo đường dân tộc

của Nam phong tặng anh lê duy tâm, anh nguyễn văn ngôn, anh quốc linh và anh an cư.

Em ơi ! anh vẫn biết
lòng em đang tha thiết
theo dõi bước anh đi...
Em đừng sợ biệt ly
chôn vùi bao số kiếp
ra đi là không chết,
không thể chết, em ơi !
theo nẻo đường dân tộc,
chỉ có sống mà thôi.

★

Em ơi ! anh vẫn biết
lòng em đang tha thiết
chờ đợi bóng anh về...
Hãy tin anh sẽ về.
vì tình ta bất tận
vì tình ta xứng đáng,
dù biển cạn non mòn,
dù ngăn núi cách sông
anh sẽ về em nhé !
với tinh thần ngạo nghễ,
trong nhịp bước hiên ngang,
khi quân thù đầu hàng,
khi vừng... sáng rực
khắp nẻo đường đất nước,
anh sẽ về với em.

Nam phong

Nhân đọc bài : **« Nghĩ về tự ái dân tộc »**
(Đồng-Nai văn-tập số 21)

MUA ĐẤT Ở ÚC CHÂU

● *Bài của AN CƯ*

Vào khoảng năm 1965, đã có một số người nghĩ và nói về chuyện « *mua đất ở Úc châu* », để dọn cả bà con, gia quyến qua đó sinh sống. Ai cũng biết năm 1965 là năm đen tối nhất của Nam Việt Nam, tình hình tồi tệ đến nỗi tưởng như mọi cơ cấu chính phủ và quân đội Nam VN sắp sụp đổ, và đối phương sắp tràn chiếm trọn vẹn cả miền Nam. Những người hoặc đã bị các chính quyền kháng chiến thời trước và thời nay kết án, hoặc cảm thấy không có chỗ đứng trong hàng ngũ những « *người bên kia* », hoặc cho rằng hễ Cộng sản chiếm trọn miền Nam thì chẳng còn chút tự do nào cả,... những người ấy thấy không còn mảnh đất nhỏ nhoi nào trên lãnh thổ VN nữa để dung thân, nên nghĩ tính đến chuyện bỏ quê cha, đất tổ, di cư đến một nước khác. Nước đó là Úc châu. Vì Úc châu, nghe đâu còn nhiều đất đai rộng rãi, chính phủ Úc lại là chính phủ triệt để ủng hộ chính sách Mỹ tại VN, đã đổ tiền của, xương máu tại miền Nam này từ mấy năm nay.

Một số người khác, không có tiền nhiều, không học hành nhiều, không thế lực nhiều, cũng nghĩ đến chuyện đi Úc châu, với tánh cách di cư tị nạn Cộng sản, tỉ như di cư từ Bắc Việt vào Nam Việt năm 1954.

Nhưng, từ 1965, quân đội Mỹ ồ ạt đổ bộ lên Nam VN, 200 ngàn, rồi 300 ngàn, lo cứu vãn tình thế đang nguy cơ sụp đổ cho Nam VN, Tướng Westmoreland, được cử làm Tổng tư lịnh quân đội Mỹ tại Nam VN, nhận lãnh trách nhiệm cố gắng xoay đổi tình thế. Tướng Westmoreland áp dụng chiến lược, chiến thuật mới, đặc biệt là **« tìm và diệt »**, đã nhiều lần đem đại quân xông vào các mật khu của Mặt trận Giải phóng, tìm VC mà tiêu diệt. Không bao lâu, từ Saigon đến Hoa thịnh đốn nhận thức rằng cách « tìm và diệt » của tướng West, tuy có làm cho đối phương phải thay đổi nhiều kế hoạch quân sự của họ, vẫn tỏ ra không công hiệu cho lắm và nhất là quá sức tốn kém.

Từ 300 ngàn, binh sĩ lại được tăng cường mạnh mẽ lên 400 ngàn cho đến nay là hơn nửa triệu. Trong khi đó, chính phủ và quân lực Mỹ đã nhiều lần phải **« thay ngựa giữa dòng »**. Kể cả vị tướng tài ba của Mỹ là Westmoreland, cũng được triệu hồi về Mỹ quốc, *« thăng chức »*, được ca ngợi hết lời... Nhưng, ngoài những lời ca ngợi của các yếu nhân trong chính phủ Mỹ và phe *« diều hâu »*, không phải là chẳng có những lời chỉ trích tướng West nặng nề của những chính khách khác và nhiều nhà báo,

Nhất là sau đợt tấn công đầu xuân Mậu Thân của đối phương, tiến đến việc rút bỏ Khe Sanh, quay về thế phòng ngự Saigon và các thành phố... người ta càng thấy rõ những khuyết điểm lớn lao trong đường lối quân sự của tướng West. Tuy không công bố rõ ràng phải thay đổi chiến lược, chiến thuật quân sự, tướng Abrams, từ tháng 3-68 đến nay, dường như không đi theo vết xe đổ của tướng West nữa, vì lẽ đường lối quân sự của tướng West không còn được xem là có giá trị, lẽ khác nữa là tương quan lực lượng giữa Mỹ-Nam VN và đối phương nay đã thay đổi khá nhiều. Trước trung tuần tháng 1-68, không ai nói đến chuyện đối phương đánh vào các thành phố, cho đó là điều huyễn hoặc. Nhưng, nhiều tháng nay, hết tháng này đến tháng khác, các tướng lãnh Mỹ tại VN, cho

đến Tổng thống Johnson và Nguyễn văn Thiệu, cứ *« đọa »* dân chúng các thành phố miền Nam này là *đối phương có thể mở các cuộc đại tấn công đợt 3* v.v... Mỗi lần có tin như thế là mỗi lần giá sanh hoạt lại tăng lên, dân chúng lại lo lắng. Tháng 7, tháng 8, rồi tháng 9, vẫn chưa có cuộc đại tấn công của đối phương. Dân chúng Saigon và các thành phố khắc khắp miền Nam chưa thấy súng đạn của bộ đội Việt cọng mà liên miên đêm nào, ngày nào cũng nghe tiếng súng lớn, tiếng bom đạn quân đội Mỹ và Nam VN vang dội, làm rung chuyển cả phố phường, còn hỏa châu thì triền miên thắp sáng cả bầu trời suốt đêm này qua đêm khác. Người dân thành phố có thể nghĩ rằng bom đạn miên man như thế, vòng đai bảo vệ các thành phố được tăng cường, mở rộng như thế, chắc là an ninh được bảo đảm, đối phương *« sức mấy »* đánh được vào đây như hai lần trước. Nhưng, những tin tức loan truyền trên báo chí và các đài phát thanh trong và ngoài nước về một cuộc đại tấn công đợt 3 của đối phương, đến nay vẫn còn nhắc đi nhắc lại. Đồng thời, các hoạt động của đối phương nặng về phá hoại, nhất là tại vùng Chợ lớn, gần đây lại gia tăng, ngay giữa thanh thiên bạch nhật, chẳng xa các cơ quan quân sự Mỹ-Nam VN là bao nhiêu (như vụ phá sập phòng Thông tin Chợlớn, giữa đại lộ Đồng Khánh, chỉ cách Ty Cảnh sát quận 5 và các cơ sở Mỹ chừng vài trăm thước). Tướng Abrams có lần nói rằng đối phương có thể mở chiến dịch phá hoại mạnh mẽ trong thành phố, nhưng những hành động đó không có giá trị gì về quân sự. Một vị tướng nói như thế là phải. Nhưng, cũng phải nói thêm rằng những hành động đó của đối phương không xóa bỏ được cái giá trị về tâm lý trong cuộc chiến tranh này, vì người dân trong thành phố cảm thấy đối phương vẫn hiện diện sát bên mình, chung sống với mình, và an ninh của người dân trong thành phố *« chẳng có gì là an ninh cả »*.

Những sự kiện đó, kể ra, chưa phải là quan trọng. Điều quan trọng nhất là những lời tuyên bố công khai của chính giới và các tướng lãnh Mỹ nói *« toạc móng heo »* ra

rằng : **« không thể giải quyết tình hình VN bằng một đường lối quân sự »**. Rõ hơn, ông Bundy, thứ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ, vừa tuyên bố minh bạch **« chỉ có giải pháp chính trị mới giải quyết được tình hình VN »**. Đồng thời, nửa trung đoàn Mỹ được lịnh lên đường về nước, và ông Humphrey, Phó TT Mỹ, ứng cử viên TT Mỹ năm nay của đảng Dân chủ, vừa nói rằng : **« quân đội Mỹ sẽ lần lượt rút về nước, khởi đầu từ cuối năm 68 hay đầu năm 69, và quân đội VNCH tỏ ra có khả năng đảm nhận vai trò chiến đấu chính yếu chống lại Cọng sản »**.

Tóm lại : từ sự tăng quân ồ ạt từ năm 1965 đến nay ngót 540 ngàn người mong tìm một chiến thắng quân sự, hòng buộc đối phương phải buông súng đầu hàng, hoặc phải chấp nhận ngồi vào bàn hội nghị với *thế cầu xin, nhân nhượng*, đến việc tuyên bố và thực hiện rút quân khỏi miền Nam VN, cho tới việc ngày nay thừa nhận không thể có chiến thắng quân sự, mà chỉ phải có giải pháp chính trị mà thôi... dù muốn dù không, các hiện tượng đó cho cả thế giới thấy chính sách của Mỹ tại VN có nhiều thay đổi theo chiều hướng « *đi xuống* ». Ngoài ra, sau hơn 20 phiên họp giữa phái đoàn Xuân Thủy và Harriman tại Ba Lê, áp lực của dân chúng, báo chí, các yếu nhân Mỹ cũng như cả thế giới về việc Mỹ cần ngưng oanh tạc BV vô điều kiện và đơn phương, càng ngày càng thêm nặng nề, cấp bách.

★

Chiều hướng « đi xuống » trong chính sách của Mỹ tại Nam VN hiện đang làm cho nhiều người Nam VN lo ngại. Những người lo ngại thực sự là ai ? Có thể dự đoán : đó là những người chống..... đó là những người cộng tác với Mỹ, đó là những người đã và đang làm giàu nhờ chiến tranh, đó là những người làm được nhiều tiền, sống hả hê nhờ sự tiêu pha hoang phí của lính Mỹ, đó là những người đang có một nếp sống tương đối dư giả, cho mình và cho gia đình mình...

Những người chống Cọng thấy chính sách Mỹ thay đổi có lợi cho đối phương, lo ngại sẽ có chính phủ liên hiệp, rồi Cọng sản nắm chính quyền... tất họ sẽ nguy. Những người làm giàu nhờ chiến tranh thấy thiên hạ nói quá nhiều đến hòa bình, lo ngại không còn chiến tranh nữa để làm giàu. Những người nhờ lính Mỹ hoang phí mà kiếm được nhiều tiền, tiêu pha phỉ sức, lo ngại chiến tranh chấm dứt, lính Mỹ rút về nước Mỹ, biết làm gì đây, tiền đâu tiếp tục tiêu pha ? Những người đang sống an nhàn, vợ đẹp, con khôn, tối tối nằm dài trên ghế vải, xem vô tuyến truyền hình... lo ngại nếu có thay đổi, đời sống của mình có còn được như thế này chăng ?

Chính phủ Johnson và các tướng lãnh Mỹ từng ỷ lại nơi sức mạnh của đô la, của vũ khí hiện đại, nay đã nhận thấy quá sai lầm. Đến nỗi, một đại cường quốc giàu mạnh bậc nhất trên thế giới như Mỹ, với hơn nửa triệu quân đổ vào chiến trường miền Nam VN, với hàng trăm tỉ đô la tiêu phí, nay công khai nhìn nhận bất phân thắng bại với đối phương gồm những đoàn quân đi dép cao su bánh xe, chuyên môn di chuyển bằng hai bàn chân, ăn uống kham khổ, không máy bay, không xe tăng, thiết giáp... Sự thức tỉnh của chính phủ Johnson và các tướng lãnh Mỹ trực tiếp phá vỡ lòng tin của những người Nam VN lâu nay vẫn đinh ninh rằng sức mạnh của Mỹ là vô địch, chắc chắn đè bẹp được đối phương.

Sự thức tỉnh quá muộn của chính phủ Johnson và các tướng lãnh Mỹ đã và đang làm cho dân chúng Mỹ, uy tín của nước Mỹ nhận lãnh những hậu quả tai hại nặng nề. Chính trị, kinh tế, xã hội, nhân tâm toàn nước Mỹ bị rối loạn, xáo trộn như một mớ bòng bong. Cả lương tâm của người Mỹ cũng đã và đang bị dằn vặt, bàng hoàng và đau xót. Do đó, TT Johnson, trước khi chấm dứt sự nghiệp chính trị của ông, mong muốn tìm kiếm một lối thoát gọi là *danh dự cho tình hình VN*, hòng để lại trong lịch sử một tia ánh sáng. TT Johnson và cả tập đoàn lãnh đạo

nước Mỹ sẽ làm cách nào, áp dụng giải pháp nào để rút chân ra khỏi tình trạng sa lầy hiện nay ở VN ?

Điều đó, xin dành lại cho lương tâm của TT Johnson và các vị lãnh đạo nước Mỹ. Khỏi phải bàn đến.

Trở về với cương vị người Nam VN chúng ta, có thể thấy rằng sự thức tỉnh — cũng muộn màng — của những người quá ỷ lại và tin tưởng nơi sức mạnh của Mỹ, tất nhiên cũng gây ra nhiều hậu quả tai hại cho họ. Tỉ như một con nợ vẫn tin tưởng một chủ nợ thật giàu, mong sống còn nhờ sự giúp đỡ của người chủ nợ đó. Nay, người chủ nợ lâm vào cảnh « tang gia bối rối », khó khăn về tiền bạc, nói trắng ra là đang thiếu nợ và lo chạy tiền để trả nợ... Ôi thôi ! Thế thì còn nhờ cậy gì được nữa ? Và làm sao sống nữa đây ? Hay là : tỉ như một kẻ hèn yếu lâu nay vốn núp sau lưng một kẻ to mạnh hơn nhờ che chở, bảo vệ, nay thấy rõ kẻ bảo vệ mình không dám liều và hăng hái như trước nữa, vì đối phương không dễ bị ăn hiếp, nay đâm ra hoảng hốt. Người to mạnh cam kết che chở mình nếu tuyên bố rút lui, thì chạy trốn đâu đây ? nhờ kẻ nào khác che chở cho đây ?

Lo âu, cay đắng là phải !

Hoảng sợ tìm đường chạy trốn là phải !

★

Lẽ phải ở đây, xét cho kỹ, quả là chua chát !

Thử hỏi : từ bao nhiêu năm nay những người gọi là hăng hái chống Cộng đã làm những gì, và đã chống Cộng như thế nào ?

Khi còn thực dân Pháp, suốt chín năm ròng rã, thực dân Pháp nắm trọn hết thực quyền, từ quân sự, chính trị, kinh tế... Cái gọi là quân đội..... dưới thời Bảo Đại, thực ra, chỉ là một đoàn quân đánh thuê, đặt dưới quyền chỉ huy, điều khiển của các tướng lãnh Pháp đề ra, không cần ý kiến của những người gọi là tướng tá quốc gia. Chính

sách và đường lối chống Cộng thì được định đoạt tại Ba Lê, chớ chẳng phải tại Saigon hay Hànội. Còn về kinh tế thì cũng nhờ cung cấp, viện trợ, chớ chẳng hề có một nền kinh tế tự lực, tự cường. Cái gọi là « chính phủ quốc gia » chỉ là một thứ bù nhìn làm bình phong cho thực dân Pháp ẩn nấp hòng thực hiện mộng của chúng cướp nước ta một lần nữa. Những người gọi là chống Cộng lúc bấy giờ đứng vào hàng ngũ nào ? Ai cũng biết rõ : Họ là một thành phần, một bộ phận hay là một tổ chức trong guồng máy bù nhìn của thực dân Pháp. Vậy, họ chống Cộng bằng cách nào ? Họ nương dựa vào thực dân Pháp, về mọi phương diện. Không có sự che chở, giúp đỡ của thực dân Pháp thì vô phương chống Cộng. Cho nên, chính sách, đường lối và phương thức chống Cọng hoàn toàn tùy thuộc thực dân Pháp. Đến khi thực dân Pháp đại bại ở Điện Biên Phủ, kiệt quệ về kinh tế, rối loạn về chính trị tại ngay nước Pháp, thực dân Pháp thỏa hiệp với đối phương, thì những người VN từng làm tôi tớ, từng cộng tác với thực dân Pháp, từng được thực dân Pháp ca tụng, đưa lên mây xanh với chức vị cao sang, kể cả những người nhiệt thành chống Cộng... đều bị thực dân Pháp bỏ rơi thật bi thảm. Chỉ một số ít như Nguyễn văn Tâm, Trần văn Hữu, Bảo Đại... được thực dân Pháp cho đi cư qua đất Pháp để được nuôi dưỡng như một cách trả ơn cho những kẻ công bộc trung thành.

Những người khác tự cho là khôn ngoan hơn, không muốn dính líu đến chính trị (tức là không trực tiếp hành động chống Cọng), chỉ mong thích nghi với hoàn cảnh, để làm giàu và để được yên thân. Không thích Cọng sản, cũng chẳng thích « quốc gia », họ muốn chọn vị trí đứng ngoài lề cuộc chiến. Nhưng, dù muốn dù không, họ vẫn sống trong lòng cuộc chiến, mỗi giờ, mỗi ngày vẫn phải nghe, phải thấy những sự việc xảy ra vì cuộc tranh chấp của hai phe : phe cướp nước và phe giữ nước. Và buồn cười thay, họ lại lợi dụng cuộc chiến để vơ vét tiền của, gầy dựng sự

nghiệp, để vinh thân phì gia, an nhàn sung sướng. Họ chỉ biết cá nhân và gia đình nhỏ nhoi của mình mà thôi. Họ không cần biết đất nước bị tàn phá kinh khủng thế nào, đồng bào ruột thịt của mình ở ngoài thành phố, trong vùng quê hẻo lánh cực khổ, đói rách đến dường nào. Ai chết mặc ai, đất nước có độc lập hay không, chẳng cần bận trí. Miễn rằng bản thân và gia đình mình được bình yên, giàu có, « tự do » buôn lậu, « tự do » truỵ lạc, « tuyệt đối tự do », dù dân tộc nô lệ cũng được đi.

Thái độ lệ thuộc, hành động cộng tác với tinh thần tôi tớ, được làm tôi tớ, thái độ dửng dưng vô trách nhiệm, cá nhân chủ nghĩa... của những người vừa kể, trước viễn ảnh những thay đổi lớn, gây cho họ một mặc cảm : mặc cảm tội lỗi, tội lỗi với quốc gia, dân tộc. Dù bít tai, nhắm mắt, họ vẫn biết rõ chung quanh họ, hàng vạn, hàng triệu người Việt Nam khác cùng màu da, tiếng nói, đã và đang dấn thân vào con đường chiến đấu gian khổ và ác liệt để dân tộc được độc lập, tự do. Dù ngụy biện đến đâu để lấp liếm sự thật, họ vẫn phải thấy rằng họ đã và đang đứng trong hàng ngũ của những kẻ phản lại Tổ quốc và dân tộc hoặc nhẹ hơn nữa là trong cái vị trí gián tiếp cản trở những bước tiến của toàn dân, vì gián tiếp, tiếp tay với kẻ thù làm lủng đoạn kinh tế, chà đạp truyền thống oai hùng của tổ tiên, phá nát xã hội.

Chính vì mặc cảm tội lỗi lớn lao đó, nên họ lo tìm đường chạy trốn. Chạy trốn ở đâu bây giờ ? Ở đâu trên đất này, họ cũng sẽ gặp phải những người đã hy sinh, đã chịu gian khổ, đã chiến đấu anh hùng. Và những người đó, sớm hay muộn cũng sẽ chỉ mặt điểm tên họ, phanh phui những tội lỗi của họ. Cho nên họ phải nghĩ đến chuyện chạy trốn ra nước ngoài.

Chạy trốn như thế, dù là hạng người nào, vì lý do gì đi nữa, chắc chắn không thể gọi là *một hành động tốt đẹp.*

Những người tự cho là « *đứng ngoài lề cuộc chiến* » làm giàu nhờ chiến tranh, ẩn núp yên thân trong nếp sống

an nhàn, không thể không tự thấy hổ thẹn, vì thâm tâm mong muốn đất nước độc lập, hùng mạnh, để ngẩng mặt nhận lãnh vinh dự là **NGƯỜI VIỆT NAM**, đã có « bốn ngàn năm văn hiến », đã có khí phách anh hùng, đánh bại hàng chục cuộc ngoại xâm trong 40 thế kỷ... *mà thật ra bản thân mình chẳng đổ được một giọt mực, một giọt mồ hôi hay một giọt máu cho cuộc chiến đấu chung.* Giữa lúc những người khác chịu gian khổ, hy sinh hạnh phúc gia đình, tài sản của ông cha, tánh mạng của chính mình để chống lại kẻ thù manh tâm cướp nước, thì họ sợ nắng sợ mưa, an nhàn tự tại nhờ sự che chở — và cầu mong sự che chở của người ngoại bang. Họ không cần biết đồng bào đang đau khổ, cơ cực như thế nào. Họ không cần biết những người nước khác âm mưu những gì để lôi cổ cả dân tộc Việt Nam vào nô lệ. Họ không quan tâm phân biệt bạn và thù. Hoặc có phân biệt, thì cũng giữ vẻ thản nhiên, với thái độ tiêu cực, đầu hàng kẻ thù, tự an ủi : ta chỉ là hột cát nhỏ nhoi, chẳng làm gì được. Hoặc giả, nếu lương tâm cắn rứt, thúc giục làm một điều gì gọi là góp phần chiến đấu chung của toàn dân, thì ý thức quyền lợi trỗi dậy (sợ mất nhà lầu, xe hơi, mất cái ti vi, tủ lạnh...) và nỗi sợ hãi nguy hiểm, tù đày, chết chóc... làm tiêu tan nhanh chóng chút **« lương tâm dân tộc »**.

Người công dân thực tình yêu nước không thể có thái độ đó được.

Nói về những người chống Cộng : cứ cho rằng Cộng sản là độc tài, tàn bạo, tước đoạt mọi quyền tự do của con người nên phải chống lại. Nhưng, chống bằng cách nào ? và chống như thế nào ? *Người chống Cộng đáng kể trước hết phải có một chủ nghĩa hoặc ít ra một lý tưởng nào khác, tốt đẹp hơn, hợp tình hợp lý hơn chủ nghĩa Cộng sản, dựa vào đó làm cơ sở truyền bá cho mọi người ủng hộ, chấp nhận. Chủ nghĩa hay lý tưởng đó phải phù hợp với nguyện vọng chân chính của dân tộc, phải phục vụ thực sự quyền lợi của Tổ quốc và nhân dân.* Hơn hai mươi năm nay, « người bên

này » chống Cộng bằng chủ nghĩa quốc gia, bằng lý tưởng tự do, dân chủ. Nhưng xét kỹ lại cái chủ nghĩa quốc gia trước mắt, nghe nói đến mỗi giờ, mỗi ngày chỉ là một cái gì mơ hồ. Tệ hơn nữa, nói đến chủ nghĩa quốc gia mà quốc gia chẳng có chút chủ quyền, mọi việc đều do ngoại bang định đoạt, thì chủ nghĩa quốc gia có giá trị gì ? Dưới thời Ngô Đình Diệm, nảy sanh chủ thuyết « Cần lao nhân vị ». Lý thuyết nghe thật đẹp. Nhưng, thực tế, đó là một tổ chức độc tài còn hơn Cộng sản, vỏn vẹn là một guồng máy gia đình trị và tôn giáo trị mà thôi. Còn về lý tưởng tự do, dân chủ, thử hỏi qua nhiều năm nay, người dân miền Nam này có tự do, dân chủ không ? Thực sự, chỉ có tự do dân chủ trên giấy tờ, trong lời nói tuyên truyền hoa mỹ.

Người chống Cộng đáng kể phải có một ý thức, tư thế độc lập. Đành rằng phải nhờ đến ngoại bang, nhưng không có nghĩa là phải núp sau lưng ngoại bang, hoàn toàn lệ thuộc ngoại bang về đường lối và phương tiện. Không một người nào khác đến đây lo nghĩ và thương yêu cho đất nước và dân tộc ta bằng chính người Việt Nam cả. *Kinh nghiệm thực tế cho thấy rằng ngoại bang nào giúp ta cũng vì quyền lợi của họ trước hơn hết.* Hôm nay, họ lôi ta làm bình phong để chống Cộng. *Nhưng, ngày mai, khi xét ra thỏa hiệp với Cộng sản có lợi cho xứ sở họ hơn, thì họ sẽ thỏa hiệp với Cộng sản nhanh chóng hơn ai hết.* Nói một cách khác, *chính sách chống Cộng hay thỏa hiệp với Cộng sản của ngoại bang chỉ là giai đoạn trong quá trình phục vụ quyền lợi kinh tế, chính trị, và lợi ích quân sự của chính xứ sở và dân tộc của họ. Đến khi đó, ngoại bang không che chở, không bỏ tiền ra nữa... người Việt Nam chống Cộng lấy gì để mà chống ?*

★

Các vị lãnh đạo Nam VN, gần đây, tiên đoán chiến tranh sẽ sớm chấm dứt, sự chiến đấu ở chiến trường sẽ chuyển qua sự đấu tranh bằng chính trị, để chống lại Cộng sản. Dư luận cho rằng đó là dấu hiệu đưa đến tình trạng

chung lộn với đối phương, để người quốc gia chân chính có cơ hội tranh chấp với đối phương, làm sáng tỏ « *chủ nghĩa quốc gia thật sự* » lâu nay vẫn theo đuổi. Có lẽ trong ý nghĩa đó mà các yếu nhân Mỹ, gần đây, đề cao vai trò của quân đội Nam VN, hé cho thấy viễn tượng quân đội Mỹ sẽ rút đi, dành trách nhiệm chiến đấu chính yếu cho quân đội Nam VN. Các sự kiện đó làm xôn xao dư luận không ít, thậm chí có tiếng đồn về một giải pháp liên hiệp với đối phương, mặc dầu những lời cải chính vẫn được lặp đi lặp lại nhiều lần. Một hiện tượng kỳ lạ xuất hiện : những người lâu nay lớn tiếng chống Cộng đâm ra hoang mang, lo lắng. Đáng ra, họ phải vui mừng mới phải chớ. Vì, khi súng đạn không thể giải quyết được tình hình mà chỉ gieo thêm đau thương, tang tóc cho đất nước, cho đồng bào, đây đến lúc đấu tranh bằng chính trị với Cộng sản, thì đất nước và đồng bào đỡ khổ biết bao nhiêu. Hơn ai hết, những người chống Cộng mạnh mẽ lâu nay phải xem đây là lúc để trổ hết tài năng, dốc hết nhiệt tình sức lực, chấp nhận gian khổ, khó khăn, can đảm đứng trước đầu gió để chống lại Cộng sản, giành độc lập cho đất nước, tự do, dân chủ cho đồng bào. Như thế mới phải. Như thế mới gọi là chống Cộng vì quốc gia dân tộc. Chớ mới nghe nói ngoại bang rục rịch rút lui, rục rịch giảm bớt sự che chở và giúp đỡ, thì run rẩy, lo tính chuyện chạy trốn... Chạy trốn hết thì đối phương dù chưa hẳn là Cộng sản cũng không bỏ lỡ cơ hội tốt đẹp đem truyền bá chủ nghĩa Cộng sản dễ dàng.

Người công dân thực sự yêu nước không thể có thái độ đó được.

Người công dân thực sự yêu nước không thể nhờ ngoại bang yêu nước dùm mình, cũng không thể núp sau một chính phủ ngoại bang, sau xe tăng, thiết giáp của ngoại bang để thể hiện lòng yêu nước của mình. Trong lịch sử thế giới không có một quốc gia nào gọi là độc lập thực sự khi có một quân đội ngoại bang chiến đấu dùm cho

nhân dân quốc gia đó. Cũng không có một quốc nào thực sự độc lập, tự do, dân chủ khi có một chánh phủ ngoại bang nắm trọn quyền định đoạt mọi chánh sách, đường lối của quốc gia đó.

Người « quốc gia thực sự yêu nước » phải thấy rõ rằng hễ còn quân đội ngoại bang đốt phá, giết chóc trên quốc gia mình, hễ còn một chính phủ ngoại bang xâm phạm chủ quyền quốc gia mình, thì sự chiến đấu của mình, dù nhiệt thành đến đâu, cũng không có chính nghĩa, mà chỉ được gọi là sự tiếp tay cho âm mưu không chính đáng của ngoại bang.

Vậy, người quốc gia thực sự yêu nước phải nói với ngoại bang giúp mình rằng : hãy để cho chúng tôi có chủ quyền quốc gia, tự định đoạt chính sách, đường lối của chúng tôi. Chúng tôi nhận phương tiện của các ông, nhưng các ông hãy để cho một mình chúng tôi chiến đấu ở chiến trường, tranh đấu về chính trị, ngoại giao, đương đầu với đối phương. Đối phương là anh em một nhà với chúng tôi, để chúng tôi tự giải quyết công việc nhà chúng tôi. Chúng tôi không sợ gian khổ, hy sinh, không sợ đổ xương máu.

Có như thế mới gọi **là can đảm, là khí phách, là bất khuất, vì quốc gia và dân tộc.**

Chắc có người sẽ lập luận rằng : không thể nào sống với Cộng sản được, vì Cộng sản tráo trở, xảo quyệt lắm ; chiến đấu với Cộng sản kiểu đó tức là tự sát, sớm hay muộn cũng sẽ bị họ « nuốt sống ».

Lập luận như vậy thì quả là lạ lùng ! Những người lâu nay tự hào về cái khí phách anh hùng, nhiệt tình chống Cộng vì dân vì nước, sao không đem khí phách và nhiệt tình đó để chiến đấu với Cộng sản, mà chưa lâm chiến đã tự nhận thua kém và nắm chắc phần chiến bại trong tay rồi !

Chắc cũng có người sẽ lập luận : tình thế rối nát quá rồi, không có sự giúp đỡ của ngoại bang làm sao đương đầu với Cộng sản ? Lập luận như vậy cũng quả là lạ lùng ! Thử xét cho kỹ : tại sao có tình trạng rối nát như thế ?

Lỗi của ai ? Lỗi của ngoại bang ? Không. Người quốc gia chân chính phải thấy trước và thấy rõ rằng đất nước Việt Nam là của người Việt Nam, bổn phận và trách nhiệm cứu vãn đất nước trước một hiểm họa nào đó là công việc của chính chúng ta. Chúng ta yếu thế, có thể nhờ sự giúp đỡ tinh thần, phương tiện, với điều kiện đặt trước là **sự giúp đỡ đó không có nghĩa nắm trọn quyền định đoạt chính sách, đường lối trên mọi phương diện và buộc chúng ta phải tuân theo.** Chúng ta nhờ sự giúp đỡ của ngoại bang là để có phương tiện và hậu thuẫn mà chiến đấu, chớ không phải để cho ngoại bang dần dần « *xỏ mũi lôi đi* »... Đến lúc ngoại bang lôi vào con đường hầm tối mù tối mịt, không còn « hai bàn tay nắm lại » thì mới sực tỉnh quá u mê, quá dại dột, và chẳng biết đường nào mà lần nữa. Đi tới hay đi lui cũng chỉ là vào trong đêm dài vô tận. Vậy, phải nói rằng đó là lỗi của những kẻ quá ỷ lại ngoại bang, để ngoại bang lừa gạt và đè đầu cởi cổ.

Ngoại bang đè đầu cởi cổ được là vì :

— Chiến đấu với một đối tượng mà không có một chủ thuyết chính đáng để đối nghịch,

— Chiến đấu vì quốc gia, dân tộc mà nhờ ngoại bang dẫn dắt, đùm bọc từ cây kim sợi chỉ cho đến máy móc, súng đạn, sợ gian khổ, sợ hy sinh, sợ mất mát những quyền lợi cá nhân ích kỷ,

— nhờ vả phương tiện của ngoại bang mà không hiểu rõ ý định, mưu chước của ngoại bang biến sự nhờ vả đó thành sự cầu xin, hoàn toàn lệ thuộc,

— nhất là, vì sự cộng tác, đồng minh với ngoại bang trong tinh thần tôi tớ, xin được làm tôi tớ, nói rõ hơn là trong tinh thần nô lệ,

Đó là trọng tội của những người có trách nhiệm điều khiển cuộc chiến đấu chống Cộng, những người có học thức nhiều, có bằng cấp cao, có nhiều tiền của tự cho có địa vị lớn, có quyền lợi tối đa nắm giữ mọi vị trí then chốt trong chính quyền và xã hội.

Đừng đổ lỗi cho đám đông dân chúng không ủng hộ, hậu thuẫn mình. Ủng hộ và hậu thuẫn sao được khi dân chúng thấy quá rõ những tệ mạt trong hậu trường chính trị, những nhơ nhớp trong đầu óc của những người điều khiển mình, mỗi ngày một chịu đựng thêm những bất công áp bức, nhìn thấy đầy rẫy những việc làm hoàn toàn trái ngược với lời nói tốt đẹp, và nhất là khi nhận biết rõ như ban ngày rằng **vận mệnh của dân tộc không phải do chính nhân dân mình định đoạt mà lại do một ngoại bang nắm quyền sinh sát trong tay.**

Tình thế đang biến đổi. Và dựa theo trên những hiện tượng đọc trên báo, nghe qua đài phát thanh và cảm biết qua tiềm giác, tình thế có thể biến đổi nhanh chóng hơn. E không còn thì giờ để xóa bỏ những trọng tội đã phạm phải, không còn thì giờ thay đổi tình trạng quá rối nát.

Nhưng, vẫn còn đủ thì giờ tự đánh thức lương tâm của kẻ tôi tớ, nô lệ, cũng không phải lương tâm của kẻ cầu an, đầu hàng, chạy trốn, mà chính là « *lương tâm dân tộc* » tiềm ẩn trong mỗi người.

Lương tâm dân tộc đòi hỏi người công dân thực yêu nước sự phân biệt bạn và thù, đòi hỏi một tinh thần độc lập, tự cường, một tình hòa hợp cật ruột sâu đậm với đồng bào cùng dòng giống hơn là với người ngoại bang xa lạ. Nếu tự thấy bất lực không giành lại được chủ quyền quốc gia, thì nên tự ý chôn đời mình vào bóng tối, đừng làm vật trở ngại cho bước tiến của nhân dân.

Nếu còn lương tâm dân tộc, và lương tâm đó bảo phải chiến đấu vì quốc gia, dân tộc, *thì dù tình thế có biến đổi thế nào, hãy can đảm ở lại mảnh đất xứ sở này, tranh đấu bằng súng đạn, bằng chánh trị với những người không cùng lý tưởng, không cần ngoại bang che chở cho mình,*

Chưa lâm chiến đã lo bại trận, chưa đấu tranh đã biết chắc sẽ thua, lo chạy trốn, lo « *mua đất ở Úc châu* », lo xin di cư đến một nước khác nhờ kẻ khác nuôi dưỡng, thì chính là tự tố cáo sự yếu hèn hoặc tự nhận trước là kẻ lưu vong đốn mạt. Tệ hơn nữa, nếu đã tự nhận yếu hèn và đốn mạt, vẫn lo chạy trốn, lo mua đất ở Úc châu, thì xin mua ngay bây giờ đi. Vì kinh nghiệm lịch sử cho thấy : khi tình thế đã biến đổi, vai trò chủ và tớ đã lật ngửa ra mặt bàn, thì e rằng có xin đeo sau đuôi xe cũng sẽ bị đá văng xuống.

AN CƯ

Thơ gởi người trí thức Việt Nam

● Bài của LÊ DUY-TÂM

Thưa anh,

Để tránh những hàm hồ, ngộ nhận và mờ ám trong ngôn ngữ, tôi gọi anh là trí thức một người đã từng vận dụng trí óc nhiều trong cuộc sống, đã từng có những thói quen suy tưởng về mọi việc và đã từng tra hỏi về những gì có thể tra hỏi được. Dĩ nhiên anh có thể là một người khoa bảng đã tốt nghiệp tại các trường đại học Âu, Mỹ hay Việt Nam, nhưng anh cũng có thể là một người không có bằng cấp đại học nhưng có năng khiếu trí tuệ được phát triển cao độ. *Nhưng dầu có bằng cấp hay không, sức mạnh*

và giá trị của anh là ở điều anh biết và làm hơn là ở chỗ anh đã đi học trường nào. Hạn định trong các tiêu chuẩn đó, tôi đã gạt bỏ những hàm hồ thường gắn liền với danh từ « **trí thức** », và bây giờ thì tôi có thể nói chuyện với anh được rồi.

Câu chuyện mà tôi nói với anh hôm nay có lẽ không có gì mới lạ đối với anh, nhưng nó quan trọng vì đụng chạm đến đời sống của chúng ta, đụng chạm đến sự sống còn của dân tộc. Trong hoàn cảnh chiến tranh đang tàn phá đất nước, *tôi muốn cùng anh đi vào một hành trình có ý nghĩa là xác định lại vai trò của chính anh trong một xã hội đau đớn và đang chịu nhục.* Trước khi làm công việc nầy anh hãy cùng tôi duyệt sơ lại địa vị của người trí thức qua các giai đoạn lịch sử cho đến cuộc chiến tranh kháng Pháp 1945.

Từ khi nước ta bước vào thời đại lịch sử thì nó đã rơi vào ách thống trị của người Trung Hoa rồi. Trong thời kỳ phong kiến độc lập trước thế kỷ thứ 2 trước T.C., nước ta thực ra chưa thể gọi là một quốc gia theo đúng nghĩa hiện đại của nó. Nếu có một ý thức nào về sự tồn tại của một thực thể chánh trị thì đó cũng chỉ là ý thức về quyền lợi phong kiến của các lạc hầu lạc tướng thôi. Quyền binh nắm trong tay các lãnh chúa và không có một uy quyền quốc gia nào thống nhứt được hành động của họ. Cho nên sự khởi nghĩa của Trưng Trắc có thể xem là phản ứng của lực-lượng phong-kiến đang suy-tàn chống lại lực-lượng thống-nhứt đang hình-thành dưới sự thống-trị của người Trung-Hoa.

Từ đó trở đi chánh sách cai trị đồng hóa của người Tàu đã tạo nên tại nước ta một xã hội rập theo khuôn mẫu của họ và mang những sắc thái văn hóa rõ rệt của họ. Các giai cấp trong xã hội được dựng nên trên bực thang giá trị của Nho giáo, và trong hệ thống tôn ti đó giai cấp trí thức (sĩ) được đặt lên hàng đầu. Trong suốt 1.000 năm nội thuộc nước Tàu, các sĩ phu ta là môn đệ của một nền văn hóa

cao hơn, và cung cấp những người thừa hành guồng máy thống trị của các quan thái thú. Đó là những người trí thức Việt Nam đầu tiên bị ánh sáng của một nền văn minh siêu đẳng ngoại lai chinh phục và nô lệ hóa. Đào luyện trong giáo lý Khổng mạnh, họ là những người học trò tốt, ngoan ngoãn, và là công cụ của một một chánh sách đế quốc kiểu cũ.

Khi Ngô Quyền giành được độc lập cho nước nhà thì tinh thần quốc gia manh nha trong thời kỳ Bắc thuộc đã tìm được một dịp bộc phát để lớn mạnh theo thời gian và qua các thăng trầm của vận nước. Nhưng tuy độc lập về chánh trị, nước ta cũng chỉ là một chư hầu quay chung quỹ đạo kinh tế của Trung Hoa, và hướng về đó để học hỏi và bắt chước. Vì nước Tàu trong căn bản là một nước nông nghiệp nên nước ta cũng lấy nông nghiệp làm căn bản. Những tư tưởng triết học và tôn giáo Phật, Lão, Khổng cũng đều thích hợp cho một sinh hoạt nông nghiệp hiếu hòa và hòa đồng vào thiên nhiên. Trong hoàn cảnh tư tưởng và kinh tế đó mọi giai cấp trong xã hội đều xuất phát từ đồng quê và hoạt động trong khuôn khổ của xã thôn nhỏ hẹp của mình. Giai cấp thống trị xuất phát từ nông thôn, hay đúng ra từ khắp nơi trong nước, vì ngay cả những thành phố của ta thời xưa cũng chỉ là những làng lớn thôi. Đó là những người xuất thân Nho học, mặc dầu cũng có lúc Phật giáo độc thịnh như dưới đời Lý, Trần chẳng hạn. Đại đề họ được chọn lựa trong các kỳ thi tổ chức theo định kỳ và khi đỗ đạt thì được bổ làm quan để cai trị dân, làm hiển vinh cho gia tộc. Trong một xã hội mà nông nghiệp chiếm địa vị lấn át trong các hoạt động kinh tế, không có con đường tiến thủ nào có thể làm giàu cá nhân và gia đình hơn là thi đậu làm quan. Công nghệ và thương mại bị khinh rẻ và không phát đạt lắm, mà chỉ là những hoạt động phụ thuộc cho nông nghiệp thôi. Vì thế những cha mẹ có chút tham vọng đều muốn cho con cái theo đuổi cử nghiệp để được sướng thân và rạng rỡ tông tộc. Trong số những người ra làm quan,

cũng có người thanh liêm và còn được nhắc tên tuổi đến ngày nay. Nhưng với thái độ « *một người làm quan cả họ được nhờ* » của ông bà ta thuở xưa, người ta sẽ không lấy làm lạ khi đa số quan lại đã hành động theo đường lối mà ngày nay thuật ngữ mới gọi là « *tham nhũng* ». Vì nếu không ít nhiều tham nhũng hoặc hối mại quyền thế thì làm gì « *cả họ được nhờ* » được ? Tuy nhiên sự tham nhũng như nạn cường hào ác bá trong nông thôn có lẽ cũng chỉ là những tệ đoan của một tổ chức gia đình bóp nghẹt cá nhân thôi. Người Việt Nam trong suốt thời kỳ lịch sử của mình là tù nhân của cổ tục, của một lối sống và một lối suy nghĩ không hề cải thiện, mặc dầu đã va chạm với Tây phương từ trên ba thế kỷ nay.

Sự xúc động đầu tiên xảy đến cho triều đình, các quan lại và một số dân Việt Nam khi quân Pháp chiếm ba tỉnh miền đông Nam kỳ, rồi lần lượt chiếm luôn cả nước. Sự thống trị của Pháp đã làm cho một số sĩ phu ta thức tỉnh, nhìn thấy sự suy đồi của một nền giáo dục bịnh hoạn và một triều đình bất lực, bất tài. Sự phản ứng đầu tiên của sĩ phu cũng như của dân chúng không ngoài khuôn khổ cần vương, nghĩa là khôi phục lại cơ đồ của vua. Nhưng lần lần người ta thấy xuất hiện những phong trào duy tân không bảo hoàng, tách rời lòng yêu nước ra khỏi sự trung quân mà chỉ nghĩ đến giải thoát quốc gia khỏi ách thống trị của người Pháp thôi. Phái tân học, nhìn thấy cái học cũ trọng cử nghiệp hư văn và hoàn toàn không đáp ứng được tình thế mới, đã tôn Pháp lên làm thầy mới của mình, và xuyên qua người Pháp, đã tìm thấy lòng ái mộ di sản tinh thần của Tây phương. Phái cựu học đếm từng ngày tàn của mình bằng những lời khí khái mắng Tây và tuẫn tiết, biết lịch sử đã quay lưng lại mình và dẫy chết khi chế độ khoa cử cáo chung năm 1918 tại thành trì bảo hoàng là Huế. *Điểm son của cựu học là đã đào tạo được những con người, dầu là vì lòng trung quân đi nữa, dám tuẫn tiết không giữ được thành trước sự tấn công của giặc Pháp. Ngày nay những gương can đảm phi*

thường đó không còn thấy nữa. Trái lại người ta chứng kiến sự hèn nhát được tưởng thưởng và sự khoác lác được đề cao. Giai cấp sĩ phu thống trị cũ, tuy chịu trách nhiệm về sự mất nước, vẫn còn có những Phan Thanh Giản, những Hoàng Diệu như là sản phẩm cao quí nhứt của mình. Nhưng cũng có những vết nhơ không rửa được như Tôn Thọ Tường, Hoàng Cao Khải hợp tác với giặc Pháp để củng cố uy quyền thống trị của chúng.

Đến khi Pháp hoàn toàn làm chủ Việt Nam thì người Pháp đã nghĩ ngay đến việc đào tạo một lớp quan lại mới biết chữ Pháp để thay thế lớp quan lại cũ chỉ sành Nho học. Công việc đào tạo giai cấp thống trị bản xứ nầy đáp ứng một đòi hỏi khẩn thiết là thiết lập một guồng máy cai trị hữu hiệu và thành lập một giai cấp trung lưu bản xứ mà quyền lợi gắn liền với mẫu quốc. Giai cấp trí thức trung lưu nầy được mọi đặc ân như được nhập Pháp tịch, hưởng quyền lợi một công dân Pháp, sống một đời sống tiện nghi, được trả lương bổng cao, và nhất là được cơ hội để tham chánh — dĩ nhiên theo điều kiện của mẫu quốc — và nếm được uy quyền thống trị đám dân thất học, nghèo nàn, bịnh tật. Khi hữu sự, nhứt là khi có biến động xã hội gây ra bởi sự chênh lệch quá lớn giữa giai cấp trung lưu thành thị và giai cấp bần cùng ở nông thôn, người Pháp có thể trông cậy vào đồng minh của họ là giai cấp trung lưu đó để duy trì địa vị chủ nhân của mình. Giai cấp trung lưu đó, mà Tây phương cho là thiết yếu cho sự tiến bộ vật chất và tinh thần của một xã hội hiện đại, có những quyền lợi kinh tế mà sự bảo vệ đòi hỏi súng đạn của ngoại quốc (vì Việt Nam chậm tiến không làm được súng đạn), và sự liên minh thân hữu với chủ nghĩa thực dân Tây phương. *Do đó, sự xung đột xã hội trong một nước chậm tiến, đáng lẽ là việc nội bộ của nước đó, đã trở thành một cuộc thánh chiến quốc tế giữa hai khối đế quốc cùng tham vọng như nhau.*

Có lẽ anh cũng thừa biết điều đó vì trường hợp điển hình của nhận xét trên là nước Việt Nam khốn nạn của

chúng ta. *Anh cũng đã thấy thực dân Pháp nhận danh cái gì để theo đuổi chiến tranh phi nghĩa tại đây từ năm 1945 đến 1954. Và anh cũng đã từng thấy đồng minh Việt Nam của thực dân Pháp đã làm gì, nhân danh cái gì để quay súng bắn lại đồng bào họ trong chiến tranh kháng chiến giành độc lập. Tôi biết anh biết điều đó, nhưng anh không dám nói ra, nên tôi thương anh, vì chúng ta đều đồng cảnh ngộ.*

Pháp dầu sao cũng chỉ là một nước thực dân đến ngày tàn tạ, một đế quốc suy đồi vì sự xung đột với những nước đế quốc Tây phương khác. Tôi nói đến đế quốc Tây phương vì theo định nghĩa hiện đại của từ ngữ « *đế quốc* » đó là chánh sách tranh giành nguyên liệu và thị trường thế giới, chiếm lĩnh và kiểm soát đất đai (và dân cư dĩ nhiên), và thiết lập các thuộc địa. Ngày nay chủ nghĩa thực dân đã biến đổi một vài sắc thái nhưng trong căn bản nó vẫn là chánh sách tranh giành thị trường và phân chia vùng ảnh hưởng. Dĩ nhiên trong thời đại giải thực, không một đế quốc nào dám ngang nhiên mang bộ mặt của đám đế quốc cũ. *Bây giờ đế quốc mới xuất hiện như là vị cứu tinh của các dân tộc bị hiếp đáp, các nước chậm tiến, các cựu thuộc địa.* Lên mặt đạo đức, họ kết án thực dân cũ đã gây ra tình trạng bi thảm tại Á châu và Phi châu và quyết tâm đem tài lực và kỹ thuật để phát triển các nước mới thâu hồi độc lập. Ngay đến cả những nước thực dân cũ cũng quay lại viện trợ cho cựu thuộc địa của mình, như thể bỗng nhiên họ trở thành nhân đạo vậy. Có lẽ anh cũng không ngạc nhiên gì về thái độ lo lắng cho dân chậm tiến đó của đế quốc Tây phương. Có lẽ anh cũng hiểu rằng khối đế quốc nầy viện trợ cho các nước chậm tiến là để tranh giành ảnh hưởng với khối đế quốc kia. Cũng như hai ông nhà giàu lớn đều muốn có lâu la và kẻ chịu ơn dưới trướng mình càng nhiều càng tốt để thế mình thêm vững, địa vị mình thêm chắc, an ninh mình thêm bảo đảm. Có lẽ anh cũng thấy rằng vì không ai nhận mình là cha ăn cướp nên cũng không nước đế quốc nào nhận mình

là đế quốc hết. Bao giờ những từ ngữ đẹp, những lý tưởng cao siêu cũng đều được đem ra, gói ghém kèm theo với quà tặng, như « *thực phẩm phụng sự hòa bình* », « *liên minh để tiến bộ* »...Có lẽ anh biết hết những điều đó nhưng không dám nói ra, nên tôi thương anh.

Nhiều khi những điều ngoại bang làm trên bề mặt thấy dường như không có gì là đế quốc mà còn có tính cách nhân đạo nữa. Ví dụ như cứu trợ, y tế chẳng hạn. Dĩ nhiên không ai chối cãi được là những thứ đó cần thiết, nhưng đó dùng vào nhiều mục đích khác nhau : tâm lý như để chiếm cảm tình của người nhận và xoa dịu lương tâm người cho, chánh trị như để chứng minh chánh thể của người cho là hoàn thiện, đạo đức như để biểu dương lòng nhân đạo và bác ái. Điều mà anh cũng biết là câu chuyện của Dr. Jekyll và Mr. Hyde, hai bản ngã của một con người, Bác sĩ Jekyll là người thiện và Ô. Hyde là người ác. Bác sĩ Jekyll xuất hiện qua tặng phẩm, đồ ăn, phân bón, đường xá, xưởng dệt cho người ngoan ngoãn, còn ông Hyde xuất hiện trong bom, đạn, B-52, thuốc khai quang cho những ai bướng bỉnh. Dĩ nhiên sứ điệp của Bác sĩ Jekyll là trung thành tức là chọn lựa con đường sống, nổi loạn là lâm vào cảnh chết chóc. Có lẽ anh đã nhìn thấy bản ngã lưỡng diện của thực thể đế quốc rồi nhưng không nói ra, nên tôi thương anh.

Về sự huấn luyện chuyên viên và thanh niên thiếu nữ tại ngoại quốc không ai chối cãi là nó cần thiết cho nước ta. Dầu vậy, ngay ở đây người ta cũng thấy một chánh sách đầu tư khôn khéo mà lời lãi được đảm bảo trong mười năm sau. Anh hãy hình dung một thanh niên Việt Nam vừa mới ra trường trung học, khi trí phán đoán còn nông cạn chưa trưởng thành, được ở ngoại quốc trong bốn năm để học bực đại học, rồi trở về nước với kiến thức mà anh ấy lấy làm hãnh diện, Lúc nầy thì anh đã trưởng thành rồi, nếp suy nghĩ đã theo một chiều hướng nhứt định, và trí phán đoán cũng đã trút được nét ấu trĩ

thuở trước, Nhưng cũng khối óc đó đã in những hình ảnh, những kỷ niệm, những tình tự mà anh đã sống qua trên mảnh đất văn minh đã đào tạo anh thành người có học vấn. Giờ đây sống trên đất mẹ, có đôi khi anh không khỏi mơ về đất nước xa xôi có đầy đủ tiện nghi kia, hoài niệm những ngày vui cũ, và thầm kín ước được sống lại trên mảnh đất của « *bà mẹ nuôi* » (alma mater) của mình. Những lúc đương đầu với tình cảm của chính mình đó, đất nước Việt Nam quả đã mờ đi ít nhiều trong tâm trí của anh ta, và nỗi thống khổ của Việt Nam dường như xa lạ với anh ta quá.

Lúc này có lẽ anh ta đã nhiễm rất nhiều nếp sống của ngoại quốc. Anh có lẽ nghe ra-điô của đài ngoại quốc và coi vô tuyến truyền hình của đài ngoại quốc, nhớ rành tên tuổi tài tử ngoại quốc, giải trí bằng nhạc ngoại quốc và có lẽ dùng luôn cả tiếng ngoại quốc ở nhà trong câu chuyện hằng ngày. Lề lối suy nghĩ của anh cũng ngoại quốc và lý luận của anh cũng ngoại quốc nữa. Dĩ nhiên anh nghĩ rằng anh là người tiến bộ vì anh sống theo khuôn mẫu của nền văn hóa siêu đẳng hơn văn hóa Việt Nam. Anh thông cảm với người ngoại quốc có phần dễ dàng hơn với người nông dân Việt Nam, vì mỗi lần nói chuyện với người ngoại quốc, anh có thể bật ra bằng tiếng ngoại quốc một cách hãnh diện : « *À, tiểu bang đó thì tôi biết rành lắm* ». Do đó, mọi chánh sách, đường lối, lập trường lý luận phát xuất từ thủ đô ngoại quốc đều được anh biểu rõ, tán thành, đồng ý và hăng say binh vực. Vì những thứ đó đã quen thuộc với anh quá kể từ ngày anh còn là sinh viên. Ví dụ như trong trận giặc chớp nhoáng giữa Do Thái và các nước Á rập năm 1967 người ngoại quốc đứng về phía lập trường Do Thái, thì anh cũng theo về cùng một lập trường. Trong vấn đề kỳ thị chủng tộc, người ngoại quốc thù ghét người da đen, thì anh cũng thù ghét người da đen. Đại để anh lập lại một cách trung thành lý luận của người ngoại quốc. Anh quả là người học trò tốt. Cho nên khi người ngoại quốc nói cái gì đó có lợi cho nước Việt Nam thì anh

là người đầu tiên đồng ý ngay. Còn ai có lý hơn ông thầy ngoại quốc của mình nữa ?

Bây giờ anh học trò kia về nước đang chiếm một địa vị cao trong đời sống công cộng. Cùng với địa vị, anh được hưởng những quyền lợi vật chất và tinh thần tương xứng. Đối với anh cuộc đời như vậy đã là thành công rồi. Đất nước, dân tộc mang ơn anh, gia đình anh rạng rỡ nhờ anh. Anh rất mãn nguyện và bằng lòng với trật tự xã hội trong đó anh chiếm một địa vị then chốt. Anh không muốn có những gì xáo trộn trật tự đó, vì mọi xáo trộn đều đe dọa quyền lợi của anh và là mối nguy cơ cho địa vị anh. Nếu những xung đột có xảy ra vì những nhược điểm nội tại của xã hội thì anh chủ trương giải quyết bằng bạo động, nếu cần với sự giúp sức của ngoại quốc. Anh thuộc giai cấp sĩ phu hiện đại, hay là giai cấp quan lại như người ngoại quốc nói. Và tuy cái học của anh được vẻ tiến bộ của thế kỷ 20, thái độ của anh đối với các giai cấp khác cũng còn lẫn quẫn trong thời Nho giáo độc thịnh. Thái độ « *phụ mẫu chi dân* » cũng còn đó tuy rằng anh dùng những danh từ mới hàm hồ mà mỗi người hiểu theo một cách như « *dân chủ* », « *tự do* », « *tiến bộ* », « *cách mạng* », v.v. Sự khủng hoảng của ý nghĩa học nằm trơ ra đó.

Phía ngoại quốc, khi đào tạo anh, họ phải xuất một số tiền. Nhưng đó là tiền đầu tư đáng được xài. Cho dẫu trong số một trăm học trò, có 10 học trò bướng bỉnh ngỗ ngáo dám nghĩ khác hơn thầy thì cũng còn 90 học trò ngoan ngoãn, dễ thương và đáng yêu lúc nào cũng trung thành với thầy cũ theo ý nghĩa cao quí nhứt của Nho giáo xưa kia là « *thầy cũng như cha* ». Chỉ với thành quả đó thầy cũng đã mãn nguyện rồi và tiền phí tổn dạy dỗ trước đây cũng không đến đỗi uổng phí. Đó là không nói đến lối tìm nhân tài hay thiên tài của thầy trong số những học trò mình. Nếu có trò nào tỏ ra tư chất thông minh, năng khiếu siêu phàm thì thầy sẽ khuyến khích cho học đến cùng và ở lại trên đất thầy để hợp tác với thầy giúp cho

nhân loại tiến bộ. *Cát sạn, thầy cho đi, nhưng kim cương, thầy giữ lại. Có kim cương nào không thích nằm trong tủ qui ? Có kim cương nào thích về với bùn đất nhớp nhơ ?*

Tôi vừa nói với anh về một thực trạng mà anh đã biết rồi. Bàn đến biến cố lịch sử quan trọng, có lẽ anh đã nhìn thấy trong bất cứ những vấn đề chết sống nào người ta cũng dường như chia ra làm ba khối không đồng đều nhau : một khối nhỏ bình vực một lập trường, khối thứ hai cũng tương đối nhỏ chống đối lại, và khối thứ ba lớn hơn không có thái độ và bị hai khối tranh đấu trên lôi cuốn tranh giành. Khối nào lôi cuốn được toàn thể hoặc đa số khối thứ ba thì có triển vọng thắng lợi hơn. Nhìn lại lịch sử giành độc lập của nước Mỹ, người ta thấy phe ái quốc muốn độc lập, phe trung thành muốn liên kết với mẫu quốc Anh và đa số dân chúng không có thái độ gì rõ rệt. Nước Mỹ độc lập được là nhờ phe ái quốc đã lôi cuốn được quần chúng về với mình. Ngay trong trường hợp này, cũng còn có rất nhiều người không cần biết đến chánh nghĩa mà chỉ biết lợi dụng chiến tranh để làm giàu. Những người này không có chiến tranh nào không có họ, cũng như anh có lẽ đã nhìn thấy rồi. Những người đó không có liêm sĩ mà chỉ có tham vọng, không biết đến tổ quốc mà chỉ biết có mình thôi. Những gì anh đang chứng kiến hiện tại cũng nằm trong nhận xét nói trên. Anh đã thấy ai bình vực, ai chống đối, ai thờ ơ, và ai lợi dụng rồi. Nếu anh đau lòng vì điều anh thấy thì anh cũng không phải là những người đầu tiên đâu. Còn có hàng triệu người đã đau lòng vì sống trong hoàn cảnh chớ không phải vì làm chứng nhân suông thôi. Anh đã thấy báo hàng ngày nêu những trường hợp tham nhũng ở khắp nơi trong nước, mặc dầu ngày thành lập Cộng Hòa đến giờ không chánh phủ nào không nói đến bài trừ tham nhũng. Đó là những người lợi dụng chiến tranh, cấu kết với đồng chí của họ ở ngoài chánh quyền để thao túng và làm giàu. Họ là những người đầu tiên cổ võ cho chiến tranh, vì có chiến tranh họ mới

lợi dụng được. Họ là những người đầu tiên nói đến lý tưởng, lập đi lập lại lãi nhãi từ bao nhiêu năm nay nhưng lý tưởng mà họ không hề tin, vì họ đã bán rẻ nó vì quyền lợi riêng tư. Chính họ là những kẻ sợ hòa bình, bởi lẽ khi hòa bình trở lại họ sẽ mất đi cơ hội thừa nước đục thả câu, họ sẽ không còn coi thường luật pháp được nữa, họ sẽ mất đi dịp để làm giàu, mất luôn cả uy quyền hiện tại. Khổ nỗi tham nhũng cũng như con rắn Hydre trong thần thoại Hy lạp có 9 cái đầu bất diệt vì chặt đi cái nào thì nó lại mọc trở lại ngay. Trong hoàn cảnh đó tôi không lấy làm lạ khi niềm tin càng ngày càng biến đi trong quần chúng. Tôi biết anh biết điều đó nhưng không nói ra, nên tôi thương anh.

Đi từ tham nhũng đến tình trạng chung của nước ta, có lẽ anh đã thấy tại sao chiến tranh còn đang tiếp diễn với không biết bao nhiêu tàn phá cho tài nguyên và sanh mạng. Từ khoảng cuối thế kỷ 19 nước ta là một nước lạc hậu, suy yếu vì nền kinh tế ngưng đọng và vì mầm mống loạn lạc đã bộc phát ở nhiều nơi. Sự loạn lạc không phải là dấu hiệu của khuynh hướng phạm pháp trong một số người Việt Nam, nhưng vì tổ chức chánh quyền và cơ cấu kinh tế lỗi thời, đã hóa thạch và trở thành phản tiến hóa. Trong lúc Tây phương đã nhảy vọt vào thời đại Cách mạng Kỹ nghệ, dùng kiến thức khoa học chế ngự thiên nhiên và giải phóng con người khỏi cuộc sống hạ đẳng của con vật, thì vua quan nước ta tự mãn, đóng cửa rút cầu, suy tôn Trung Hoa (cũng như ngàn năm trước), ngâm thơ uống trà, và ăn đói, mà vẫn cứ tưởng mình là văn minh. Tình trạng xã hội và kinh tế đó không biết sẽ còn hỗn loạn đến đâu nếu Pháp không đến trồng ách thống trị vào toàn thể dân tộc và trung hòa ngay mọi xung đột xã hội đã đến thời kỳ bùng nổ.

Sự cai trị của thực dân Pháp có tác dụng chận đứng ngay sự bùng nổ đó, nhưng không xóa được hố ngăn cách giữa đám sĩ phu vừa ngu xuẩn vừa tự tôn và nông dân vừa

dốt nát vừa nghèo đói. Trật tự xã hội Việt Nam có vẻ như được duy trì dưới uy qnyền thống trị của ngoại bang. Đến đây giai cấp quan lại cũ đã suy tàn và nhường bước cho đám quan lại mới, thờ Pháp, nịnh bợ Pháp để hưởng được chút cơm thừa canh cặn của quan thầy bố thí cho. Sự thay ngôi đổi vị nầy càng làm cho sự xung đột xã hội cũ càng gay gắt thêm. Để bảo vệ địa vị mình, đám chó săn của Pháp càng đi sâu vào con đường bán nước và phải cấu kết với thực dân dầu phải làm tôi mọi cho chúng. Thực dân Pháp cũng không mong gì hơn có những người Việt Nam tay sai mà quyền lợi gắn liền với chánh sách thuộc địa của họ. Đó là những người đầy tớ trung thành của họ, nên họ cất nhắc lên hàng lãnh đạo để lừa bịp dư luận. Cái nhục của nước ta là đã sản xuất quá nhiều đầy tớ cho ngoại bang, những đầy tớ không lương tâm, không liêm sĩ, mà lên mặt bảo vệ những lý tưởng cao siêu. Được ở trong địa vị lãnh đạo, những quan lại mới tha hồ tham nhũng, hối mại quyền thế, lấy của công làm của tư, và ăn hối lộ. *Nhưng thời thực dân thống trị, không ai nói tới hay tố cáo tham nhũng bởi lẽ giản dị là thực dân nuôi dưỡng tham nhũng để chia rẽ đám dân khỏi quan lại và chánh quyền. Càng tham nhũng, quan lại càng thấy sự sống còn của mình tùy thuộc vào mẫu quốc thực dân, càng thấy chỉ có thể duy trì quyền lợi của mình bằng cách hợp tác với thực dân và dĩ nhiên chịu làm tay sai cho thực dân.* Về phía nông dân, họ càng ngày càng thấy ngăn cách với người lãnh đạo của mình, với « *nhà nước* » và căm thù bọn người vong bổn Việt Nam làm tay sai cho ngoại bang. Sự phân hóa đó làm lợi cho thực dân và cản trở phong trào giành độc lập của toàn dân. Khi phong trào đó lớn mạnh và lôi cuốn như vũ bão lúc Thế chiến thứ Hai chấm dứt năm 1945, một số nhỏ trí thức thành thị đã đứng lên lãnh đạo đa số nông dân vùng lên nhứt quyết lật đổ ách đô hộ của thực dân Pháp. Trong yếu tính, nó là một phong trào của nông dân, vì phần lớn thị dân đều lần lượt hồi cư sau ngày Pháp tái lập uy quyền của họ theo đuôi xe tăng của Quân đội Anh (miền Nam)

và Quân đội Trung Hoa (miền Bắc) đến giải giới lực lượng Nhựt tại Đông Dương. Nhưng không phải tất cả những người hồi cư đều thờ ơ với kháng chiến, cũng như không phải tất cả những người đó đều hợp tác với Pháp, chống lại kháng chiến. Sự thật thì có ba hạng trong số các thị dân nầy : (1) những người đứng bên lề của cuộc tranh đấu, không hợp tác tích cực với thực dân, nhưng cũng không chống đối tích cực. Họ chiếm đa số. Họ chỉ lo làm ăn, như bao nhiêu người lo làm ăn khác và có ít nhiều ý thức chánh trị. Một số khá đông trong thành phần nầy thầm ước cho thực dân bại trận để đất nước được độc lập. Và một số khác thì ôm thái độ chờ xem, và trong lúc chờ đợi đó họ cứ tiếp tục nếp sống cũ của thời tiền Thế chiến. Có nhiều người trong thành phần nầy ngầm giúp kháng chiến, nhưng cũng có nhiều người không dám khẳng định lập trường vì sợ liên lụy. (2) Thành phần thứ hai là những người mà quyền lợi kinh tế và xã hội đã khiến phải tích cực liên kết với thực dân và tích cực chống lại phong trào kháng chiến của dân tộc. Đó là những Lê Chiêu Thống, những Lê Tắc, những Nguyễn Ánh của thế kỷ 20. Họ muốn thực dân Pháp ở lại với họ, vì bao giờ thực dân còn thì sản nghiệp và địa vị của họ còn. Đối với thiểu số nầy, kháng chiến là phiến loạn, là phá rối trật tự an ninh của xã hội. Cho nên họ chống lại kháng chiến một cách hăng say và sẵn sàng liên kết với mọi lực lượng ngoại bang nào miễn là duy trì được địa vị ưu thắng của họ trong xã hội Việt Nam là được. Họ là đồng minh bất cứ đế quốc nào nhưng không thể là đồng minh của người Việt Nam được. (3) Thành phần thị dân thứ ba là những người cơ hội chủ nghĩa, sẵn sàng đi theo bên nào chiếm ưu thế. Thiểu số nầy lợi dụng chiến tranh, kinh doanh hoặc làm giàu bằng bất cứ phương tiện nào. *Lập trường của họ là không có lập trường gì hết, hay đúng ra là lập trường* **« tiền »**. *Nơi nào làm ra được tiền, nơi đó họ đến và tuyên thệ trung thành. Được hướng dẫn bằng thính quan nhạy*

về mối lợi vật chất, họ không có ý thức chánh trị hay ý thức quốc gia rõ rệt.

Trên bình diện kinh tế, sự du nhập kỹ thuật kinh doanh Tây phương đã tạo nên tại thành thị một khu vực kinh tế tư bản với những đặc điểm của nó như tự do kinh doanh, tự do cạnh tranh, độc quyền và thao túng thị trường bằng cách tự ý định đoạt giá cả. Khu vực tư bản thành thị đã khoát lên những thành phố lớn như Saigon, Hà nội, Huế, Đà Nẵng, một vẻ phồn thịnh đặc biệt của các trung tâm thương mại và kỹ nghệ. Người ta nhìn thấy ngân hàng, hãng buôn, xưởng kỹ nghệ, nhà lầu cao, xe hơi, sản phẩm tiêu thụ cần thiết cũng như xa xỉ, và muôn ngàn nơi cung cấp dịch vụ cho một nền kinh tế phức tạp và đa diện. Nhưng sự phồn thịnh nầy chỉ là phồn thịnh trên một qui mô tí hon so với trạng thái thịnh vượng tại các nước kỹ nghệ lớn. Dầu vậy nó cũng đủ làm lợi cho một thiểu số biết lợi dụng thời cơ, và tạo nên một tầng lớp tư sản thành thị tiện nghi với những quyền lợi riêng biệt.

Trong lúc đó, tồn tại song hành với khu vực kinh tế tư bản là khu vực kinh tế nông thôn cổ truyền mà những sắc thái đặc thù vẫn không biến thể vì ảnh hưởng của khu vực tư bản. Thật ra, sự phồn thịnh tương đối của đô thị không ảnh hưởng sâu xa đến nông thôn nơi mà nông dân vẫn còn canh tác theo phương pháp của mấy ngàn năm trước, nơi họ là tù nhân của hủ tục, mê tín, thất học và nhứt là một tổ chức xã hội lỗi thời. Tình trạng của họ quả là bi đát. Nạn cường hào ác bá, địa tô cắt cổ, lụt lội, thiên tai, bịnh tật, nghèo đói là những yếu tố đè nặng lên đời họ. Thành thị thì quá xa cách, thị dân thờ ơ với thôn dân, chánh quyền thuộc địa chỉ nghĩ đến quyền lợi của mẫu quốc, cho nên các ngã đường vươn lên với những ước vọng cho một cuộc đời mới đều khép kín đối với dân quê. Sự bất công xã hội đó càng ngày càng trầm trọng, và sự chênh lệch về mức sống giữa nông dân và thị dân càng to tát. Với không quá 15% dân số sống trong khu vực kinh

tế tư bản và 85% sống trong khu vực kinh tế nông nghiệp cổ truyền, xã hội ta đã là mảnh đất phì nhiêu cho những rối loạn xã hội, một môi trường chín mùi cho cách mạng. Đó cũng là tình trạng chung của những nước cựu thuộc địa vừa mới giành được độc lập. Bao giờ cuộc xung đột giữa từng lớp thị dân tư sản có học thức và vọng ngoại và từng lớp nông dân nghèo đói thất học và sống với cổ tục, bao giờ cuộc xung đột đó không được giải quyết bằng một cơ cấu chánh trị lành mạnh, một chánh sách kinh tế hợp lý và một cuộc cách mạng xã hội gồm cả cải cách ruộng đất, bao giờ cuộc xung đột đó khôug được giải quyết thì, có lẽ anh đã đồng ý với tôi, xã hội ta không bao giờ được yên ổn, nước ta không bao giờ được phú cường.

Kể từ sau Thế Chiến thứ Hai, những vấn đề kinh tế, xã hội và chánh trị của nhân loại được phóng lên hàng đầu một cách khẩn thiết. Các cuộc Thế Chiến là những oằn oại của con người trong thời đại kỹ nghệ, một thời đại trong đó tinh thần quốc gia, sự cạnh tranh vì lý do kinh tế, tham vọng vô biên, và những ước vọng đòi quyền sống đã tác dụng lẫn nhau một cách phức tạp, gây thành một tình trạng xáo động vô cùng nguy hiểm.

Đó cũng là tình trạng xáo động của nước ta hiện tại.

Cuộc xung đột mà ta vừa chứng kiến vừa bị lôi cuốn vào trên đất nước này là một trong những cuộc xung đột to lớn nhứt của nhân loại từ xưa đến nay. Nó mang nhiều sắc thái dễ nhận thấy của các cuộc xung đột lịch sử : Một sắc thái là sự xung đột giữa tư bản và Cộng sản, hai đường lối kinh tế đối nghịch, hai cách phân phối lợi tức dựa trên hai tổ chức chánh trị và công quyền tương phản. Cả hai khối đều cố gắng lôi cuốn các dân tộc Á, Phi và Châu Mỹ La tinh về mình, những vùng mạng danh là kém mở mang của thế giới. Sắc thái thứ hai là sự tranh đấu giữa giàu và nghèo trên bình diện quốc gia. Không nơi nào sự xung đột nầy lại gay gắt hơn ở một nước chậm

tiến khi yếu tố tâm lý, xã nội và văn minh cổ truyền là những động lực mãnh liệt của cuộc xung đột. Thiểu số thành thị theo Tây học đã bỏ xa đa số nông thôn về kiến thức, tài sản, ý thức chánh trị, và phương pháp nắm lấy chánh quyền, loại hẳn nông thôn ra khỏi những gì có thể hưởng được, ngoài những chương trình có tánh cách bố thí hơn là phát triển. Người giàu của thành thị đôi khi nhìn người nghèo nông thôn như một giống người hạ đẳng chớ không phải là đồng bào. Người nông dân bao giờ cũng nhìn thị dân với sự ngờ vực, đố kỵ, và thù hằn cố hữu của bất cứ những ai đã từng đứng ngoài mâm cỗ coi người khác ăn.

Sắc thái thứ ba là sự thù địch của Tây phương đối với Trung Hoa, một nước khó hiểu, hãnh diện và đã từng là một trong những trung tâm văn hóa đầu tiên của nhân loại. Sự thù địch xảy ra từ ngày những tên lính thực dân Anh, Đức, Pháp, Mỹ dẫm chân lên lục địa Trung Hoa để xâu xé từ trong tay triều đình Mãn Thanh suy nhược những tô giới khai thác thị trường khổng lồ của Trung Hoa. Cái nhục bị chặt mất tay chân đó, Trung Hoa không bao giờ tha thứ. Tây phương muốn chứng minh sức mạnh của khoa học mà họ dường như đã độc quyền chiếm lĩnh, nhưng họ đã đụng phải một bức tường gồm 700 triệu dân cần cù và cương quyết. Ngày đứa con đẻ của văn minh Tây phương là Mỹ tiếp tục đường lối của các đàn anh, bao vây Hoa Lục bằng căn cứ quân sự và kinh tế trên một đường vòng cung chạy dài từ Đại Hàn đến Thái Lan. Với khả năng tiếp vận vô biên, với một lực lượng quân sự hùng hậu (3 triệu quân trên 200 triệu dân, một tỷ lệ khá cao trong số các nước lớn : 2 triệu đối với 220 triệu dân Nga, và 3 triệu đối với 700 triệu dân Trung Hoa), Mỹ tự cho mình có đủ khả năng đẽo một khu vực ảnh hưởng tại vùng Đông Nam Á, biến biển Nam Hải thành một cái hồ của Mỹ, và các nước trong vùng đó thành ra sân sau của nhà họ.

Sắc thái thứ tư là thuyết chủng tộc siêu đẳng. Thuyết nầy không có gì mới lạ. Đức Quốc Xã đã từng xây dựng chủ nghĩa bành trướng quân phiệt họ trên lý thuyết không thể chứng minh được là trong các chủng tộc, giống Aryen là siêu đẳng, và trong các giống Aryen (da trắng) thì dân tộc Đức là siêu đẳng hơn hết, thuần túy hơn hết. Chánh sách kỳ thị chủng tộc bên Mỹ, và ngay bây giờ sự phục sinh mãnh liệt của tinh thần căm thù chủng tộc tại đó là dấu vết của thuyết nói trên. Sự nghi kỵ lục địa vàng là một truyền thống của đời sống công cộng bên Mỹ. Người ta còn nhớ năm 1948 Tổng Thống Johnson (còn là Thượng Nghị Sĩ) đã nói đến mấy tên « vàng lùn » (yellow dwarfs). Và Dean Rusk xây dựng chánh sách Á Châu của ông trên định đề của **« hiểm họa da vàng ». Ngay đến những người Mỹ trên đất nước của họ cũng tự hỏi sự tàn phá độc ác gây ra trên đất nước Việt Nam, Mỹ có dám gây ra không nếu Việt Nam là một nước da trắng.**

Chúng ta đã cùng nhau nhận định về thực chất của chiến tranh đang tàn phá đất nước ta và nhìn thấy rõ những điều tuy không được nói đến nhưng đã được thực tế chứng minh. Dĩ nhiên tôi chưa nói đến sắc thái kinh tế hằng năm là 3% tổng sản lượng quốc gia, Mỹ phải kích thích nền kinh tế bằng cách chi tiêu dưới hình thức hợp đồng giữa chánh phủ và tư nhân, nhứt là với các kỹ nghệ có liên quan đến quốc phòng, bằng cách tiêu thụ bớt nông phẩm thặng dư, bằng cách tiêu thụ hết những súng đạn lỗi thời và bằng cách tạo công ăn việc làm cho hằng ngàn thanh niên đến tuổi cần ra đời làm ăn mà số lượng mỗi năm mỗi tăng. Muốn chấm dứt chiến tranh, không thể trong vài tháng mà chấm dứt được. Một bộ máy kinh tế phức tạp và cồng kềnh như của Mỹ không thể thay đổi mau lẹ để thích ứng với nhu cầu mới mà không tạo những xáo trộn hoặc mất thăng bằng trong vài bộ phận được. Cho nên ngay từ năm 1967, chánh phủ Mỹ đã ra lịnh cho một ủy ban kinh tế thiết lập một kế hoạch tỉ mỉ để nhận quân

đội hồi hương, sáp nhập những thanh niên giải ngũ vào hệ thống kinh tế hậu chiến, và điều chỉnh các hoạt động sản xuất thế nào cho đừng gây những xáo trộn về kinh tế, đừng gây nạn thất nghiệp, đừng gây thặng dư vật liệu chiến tranh, và bảo đảm sự tăng tiến điều hòa của nền kinh tế nói chung, bảo đảm mực độ thịnh vượng tăng đều. Bao giờ kế hoạch kinh tế hậu chiến chưa hoàn thành, chiến tranh chưa thể chấm dứt được, Ngày nay sau một năm nghiên cứu có lẽ các nhà kinh tế gia đã đi đến một kế hoạch nào rồi.

Còn lý tưởng tự do, dân chủ và đủ thứ nằm ở đâu trong tất cả cái hình ảnh phức tạp nói trên? Nó vẫn cứ được nhắc đi nhắc lại luôn như là một thứ gia vị cho những món ăn không mấy ngọt ngào mà người ta bắt mình phải ăn. Nếu thật sự ngoại bang tôn trọng tự do dân chủ thì tại sao họ làm đồng minh với Nga trong các kỳ Thế Chiến? Tại sao Mỹ vẫn viện trợ cho các nước Cộng Sản Đông Âu như Ba Lan, Nam Tư, Tiệp Khắc v.v... ? Tại sao họ trao đổi văn hóa với Cộng Sản Âu châu kể cả Nga? Tại sao họ ký kết hiệp định lãnh sự quán với Nga năm 1967? Tại sao họ thiết lập đường bay Moscou — New York cho hai hãng Pan American và Aeroflot phụ trách? Tại sao họ thiết lập đường điện thoại nóng nối liền Hoa Thịnh Đốn và Mạc Tư Khoa để phòng chiến tranh nguyên tử? Tại sao họ giao thương với các nước Cộng Sản để bán thực phẩm và bán cả máy móc trừ các món hàng có tánh cách chiến lược? Tại sao họ không can thiệp trực tiếp vì tự do dân chủ vào nội bộ Hung gia lợi năm 1956 và Tiệp Khắc năm 1968? Tại sao họ chịu nhục chấp nhận một nước Cuba Cộng Sản tí bon ở ngay sát nách họ? *Thực ra Nga và Mỹ đã chia vùng ảnh hưởng từ lâu và mặc nhiên chấp nhận rằng không có nước nào đủ sức mạnh để tiêu diệt nước kia mà tránh được chính mình bị tiêu diệt.* Giải pháp hay nhứt là sống chung hòa bình trong khu vực ảnh hưởng của mỗi siêu cường quốc và cạnh tranh trong hòa bình. Hai cường quốc đã mặc nhiên đồng ý rằng mọi việc xảy ra trong khu

vực ảnh hưởng của ai thì là chuyện nội bộ của nước ấy, và mặc nhiên tôn trọng nguyên tắc không xen vào nội bộ của nhau. Vì vậy mà Tư bản đã để yên cho Nga làm gì ở Hung gia lợi và Tiệp Khắc thì làm. Và Cộng Sản đã để yên cho Mỹ làm gì ở Việt Nam thì làm. Còn những trận đấu khẩu thì vẫn cứ tiếp tục để cho các diễn viên đương sự đỡ trơ, đỡ thẹn với lương tâm mình và lương tâm nhân loại.

Trở về với thân phận bé bỏng của Việt Nam, có lẽ anh cũng đã thấy quyền lợi của các cường quốc liên quan như thế nào đến quyền lợi của Việt Nam rồi. Là người Việt Nam biết suy nghĩ anh biết mình mnốn gì, dân tộc muốn gì. Tất cả chúng ta đều muốn hòa bình, vì chiến tranh chỉ tàn phá và giết chóc mà chỉ có một thiểu số hưởng lợi để rồi khi nước không còn tát được nữa họ bay ra ngoại quốc với một quá khứ đen đúa và một trương mục khổng lồ trong một ngân hàng Thụy Sĩ. Nước Việt Nam phải cường thịnh, phải là nơi quê hương của những con người Việt biết thương yêu nhau, giúp đỡ nhau, và cùng nhau làm việc để cho đất nước oai hùng nầy sẽ oai hùng mãi mãi. Xã hội Việt Nam cần những thay đổi tiến bộ giúp cho con người phát triển được đồng đều, cùng hưởng được kết quả của sự làm việc của mình, xem nhau bình đẳng, đối xử nhau theo giá trị từng người, diệt bất công xã hội. Rõ rệt là nước ta cần một cuộc cách mạng xã hội để tránh cảnh người bóc lột người và khôi phục lại nhân phẩm và niềm tin ở con người Việt Nam. Những nông dân trước đây bị khinh rẻ phải được nâng đỡ, săn sóc, giáo dục và tôn trọng. Vì họ là nòng cốt của dân tộc. Chính họ đã mở mang bờ cõi của đất nước, chống lại ngoại xâm phương Bắc và phương Tây và sẽ còn chống lại ngoại xâm bất cứ từ đâu đến. Chính họ làm thành sức mạnh của dân tộc, duy trì sự trường tồn của tổ quốc và văn hóa Việt Nam. Chính họ đã nuôi sống toàn dân bằng mồ hôi đổ trên luống cày, chịu đựng mọi nhục nhã và khó nhọc để cho nước ta còn là một nước riêng biệt thay vì là một tỉnh của ngoại bang.

Ấy thế mà cho đến nay người nông dân vẫn bị quên lảng, kỳ thị, bóc lột, hiếp đáp. Anh đã nhìn thấy rõ rồi, được may mắn sống trong an ninh của đô thị, được đi học đến cùng, được lợi điểm là kiến thức, được sống trong tiện nghi vật chất tương đối, anh nghĩ gì về người nông dân ? Bổn phận của anh đối với dân tộc là gì ? Dân tộc không phải chỉ có 15% dân đô thị mà còn gồm cả 85% dân nông thôn. Dĩ nhiên anh không hề nghĩ rằng bổn phận của anh dừng lại ở chỗ làm thật nhiều tiền để bảo đảm một đời sống vật chất khá sung túc cho nhà mình thôi. Dĩ nhiên anh không hề cho rằng bổn phận của anh dừng lại ở việc tạo được xe hơi, nhà cửa, tủ lạnh, máy vô tuyến truyền hình. Dĩ nhiên anh bận rộn với kế sinh nhai, và bận rộn nuôi một gia đình. Nhưng ai cũng bận rộn như anh vì ai cũng là con người với những gánh nặng bi đát của nó. Cho tới nay tấn bi kịch của anh là quên mất nông thôn, mà chỉ hướng về Tây phương. Điều đó không ai trách được anh, vì hệ thống giáo dục chánh thức của ta là một nền giáo dục hướng về Tây phương. Sách vở anh đọc hằng ngày là những sách vở viết và in tại các nước Tây phương. Điều đó cũng không phải lỗi của anh, vì nước ta chưa có nhiều sách vở chuyên môn cho ngành chuyên biệt của anh, mặc dầu người ta có thể tự hỏi tại sao anh không bắt đầu viết sách vở cho con cháu mình với kiến thức sẵn có của anh.

Tấn bi kịch của anh là để cho nông thôn ngưng đọng và lấy làm lạ tại sao Cộng sản đã đi vào đó để đóng vai trò mà đáng lẽ anh phải đóng. Một nông thôn ngưng đọng, lạc hậu, nghèo đói, bịnh tật đáng lẽ phải là trọng tâm nỗ lực của anh hay của bất cứ một nhà nhân bản nào. Nếu anh không đến đó thì có người khác đến đó. Sự lãnh đạo kiến thức, kinh nghiệm và lòng yêu nước của anh rất cần ở nông thôn. Đồng ý anh không phải là nhà chánh trị, và người ta không thể bắt buộc anh làm cán bộ nông thôn. Nhưng có lẽ anh sẽ đồng ý rằng việc cải tạo một nếp sống và chấn hưng một nền kinh tế không thể giao khoán

cho ngoại bang điều khiển và thảo kế hoạch. Dầu sao đất nước là đất nước của ta, và không ai có thể đến đây nói cho ta biết ta muốn gì được. Điều ta muốn là một nền kỹ nghệ lấy thép làm căn bản, không phải để lòe thế giới mà để sản xuất những dụng cụ cần thiết cho sự phát triển kinh tế ở các ngành khác. Không có thép không làm được xe đạp, xe gắn máy, máy cày, máy bơm nước và bao nhiêu thứ máy móc khác để khai thác tài nguyên. Ngoại quốc sẽ cười rằng chúng ta « không tưởng » thiếu thực tế, không biết lượng sức mình. Tại sao, họ sẽ hỏi, tại sao không nhận ngay máy móc của họ đã tốt lại không tốn bao nhiêu tiền (vì là viện trợ) mà lo kỹ nghệ hóa một xứ chưa có đủ nhân công chuyên viên về mọi ngành ? Tại sao lại không lo sản xuất duy nhứt một nông phẩm nào đó cho thiệt nhiều để làm mối lợi chánh cho quốc gia ? Điều ngoại bang không nói đến là nếu cứ nghe lời họ thì nước ta ngàn năm cũng chỉ là một thị trường tiêu thụ, tùy thuộc vào thiện chí — và sự tùy thích — của họ, nghĩa là một chư hầu kinh tế. Từ chư hầu kinh tế đi tới chư hầu chánh trị chỉ có nửa bước đường. Một nửa nước Việt Nam chỉ là một đứa trẻ què quặt yếu đuối, một bên thiếu nông phẩm, một bên thiếu kỹ nghệ. Nước Việt Nam chỉ có thể là một thanh niên mạnh, trưởng thành khi nào nông nghiệp của miền Nam kết hợp với kỹ nghệ của miền Bắc trong một hệ thống kinh tế hợp lý xử dụng tài nguyên cũng như nhân công hợp lý. Nhưng đó là điều các cường quốc đối thủ không muốn, hay chưa muốn, mặc dầu ngoài miệng họ có thể tuyên bố khác, vì điều kiện để thống nhứt của một bên không thể chấp nhận được đối với bên kia.

Trong lúc đó thì bom đạn vẫn tiếp tục rơi trên đất nước thân yêu của chúng ta, đốt phá rừng của chúng ta, và hủy diệt tài nguyên thiên nhiên của chúng ta. Nếu đó không phải là hành động tàn ác thì không biết cái gì mới tàn ác nữa. Trước cảnh tàn phá phi nghĩa đó, anh nghĩ gì ? Anh có nghĩ rằng chúng ta cần phải lấy súng của ngoại bang để chém giết hăng say thêm nữa không ? Anh có nghĩ

rằng nông thôn chỉ có thể « *bình định* » bằng quân sự thôi không ? Anh có nghĩ rằng cách thế yêu nước đứng đắn là phải chém giết người Việt Nam không ? Anh có nghĩ rằng ngoại bang đặt quyền lợi của nước Việt Nam trên cả quyền lợi của nước họ không ? *Anh có nghĩ rằng người Việt Nam chỉ có thể chấp nhận ngoại bang làm chủ nhân ông chớ không thể tự mình làm chủ lấy mình được không ?* Anh có nghĩ rằng công việc nội bộ của người Việt Nam chỉ có thể giải quyết bằng cách kêu gọi lực lượng ngoại bang đến thôi không ? Anh có nghĩ rằng đám nông dân Việt Nam lam lũ kia lại phạm tội « *xâm lăng* » thành thị Việt Nam được không ? Anh có nghĩ rằng người Việt Nam cùng một nòi giống, cùng một lịch sử chống ngoại xâm oai hùng, cùng một văn hóa, cùng một truyền thống bất khuất, lại có thể thù nghịch với nhau hơn cả với người ngoại quốc được không ? Anh có nghĩ rằng người Việt Nam hăng say chém giết người Việt Nam bằng cách tưởng tượng rằng họ là kẻ ngoại xâm từ một nước xa lạ nào đến không? Anh có nghĩ rằng có ngoại bang nào hãnh diện về đất nước Việt Nam hơn người Việt Nam không ?

Dầu sao chuyện đã qua cũng đã qua rồi, chúng ta không thể quay ngược thời gian lại được. Chúng ta chỉ có thể nhìn tới vào tương lai thôi. Hòa bình sẽ chưa trở lại bao giờ những nước ngoại quốc dính líu trong chiến tranh chưa muốn chấm dứt nó. *Người V.N. có thể nào tự mình chấm dứt chiến tranh không* ? Đó là câu hỏi then chốt. Vì nếu chúng ta tự ý chấm dứt chiến tranh trước khi ngoại bang muốn hay khởi xướng thì phải chịu những hình phạt nào ? Dĩ nhiên hình phạt đầu tiên là kinh tế. Ngoại bang chỉ cần cắt đứt viện trợ kinh tế là từ gạo cho đến xăng đều khan hiếm ngay và ảnh hưởng sẽ tai hại vô cùng. Phải thực tế nhìn nhận rằng sau bao nhiêu năm chiến tranh nước ta đã hoàn toàn khánh tận, nhân sự thiếu thốn, tài nguyên hư hại, không thể nào đủ nuôi sống được dân chúng, nếu viện trợ bị ngưng thình lình. Đó là bi kịch của người nhận viện trợ, thân phận của kẻ ăn xin. Muốn sống phải biết theo một

chánh sách mềm dẻo để đừng làm cho ông nhà giàu nổi giận, mà vẫn giữ được tánh chất vì dân thật sự. Điều thấy rõ là ông nhà giàu hiện giờ vẫn duy trì chánh sách cũ cho tới khi bầu cử tổng thống của họ xong tháng 11 tới đây. Cho đến đó, triển vọng của hòa bình gần như là con số không khổng lồ, trừ khi vì một ngón đòn chánh trị xảo thuật nào họ làm cho triển vọng đó sáng sủa thêm bằng một thế cờ mới bất ngờ, như ngưng oanh tạc hoàn toàn chẳng hạn. Nhưng đó là điều ngoại bang làm, còn điều ta có thể làm thì anh nghĩ sao ? Trách nhiệm của anh như thế nào trong giai đoạn hiện tại ? Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách, anh nghĩ sao ? Hay là anh đi vào tháp ngà khóa kín cửa và giả vờ không nghe tiếng bom đạn rơi nữa ? Bên Mỹ, đã có hàng trăm các nhà giáo sư đại học, nhà kinh doanh, nhà chuyên nghiệp tự do viết thơ ngỏ đăng báo yêu cầu Tổng Thống Johnson chấm dứt chiến tranh Việt Nam, vì danh dự của nước Mỹ, vì lương tâm nhân loại v.v... Còn anh, anh nghĩ sao ? Không dám lạm bàn đến những gì anh có thể làm được, tôi chỉ có thể nêu lên câu hỏi để anh tự trả lời lấy. Tôi biết từ lâu lương tâm anh xao xuyến, lòng anh không yên, trí anh không thư thái vì thực tế đã bị chất men hàm hồ của ngôn ngữ lấp mất đi ý nghĩa. Tôi kính trọng sự đau đớn âm thầm đó của anh.

Nhưng có lẽ đã đến lúc chúng ta đặt lại câu hỏi về vai trò của anh trong xã hội. Là trí thức, anh đã từng dùng lý trí nhiều trong suy tư. Có lẽ cặp mắt lý trí của anh không bị tình cảm và cảm xúc làm mờ đi trong khi nhận định. Với kiến thức của anh, với trí phán đoán của anh, nhận định của anh phải chắc chắn, xác đáng. Tôi tin anh đã nhìn thấy tính cách khẩn thiết của tình hình hiện tại và không khước từ vai trò của mình giữa một khúc quanh quyết định của lịch sử. Khước từ nó là khước từ luôn quyền làm công dân trong một nước bị chiến tranh tàn phá. Vì không ai có thể phủ nhận được là trí thức cũng là công dân, mà có trí thức lại càng phải ý thức trách nhiệm

của mình một cách sâu sắc hơn nữa. Lập trường của anh phải là một lập trường soi sáng cho những người kém học thức hơn, kém suy nghĩ hơn. Tiếng nói của anh phải là tiếng nói trung thực nhứt của lương tâm, vì nơi anh lương tâm đã phát triển cao độ theo cùng một đà với khả năng trí tuệ. Thế hệ trẻ cần anh để giáo dục và hướng dẫn bước đi trên con đường phụng sự dân tộc. **Anh phải là tấm gương sáng liêm khiết, tận tâm, vị tha, ái quốc.** Nơi anh phát xuất kiến thức phụng sự dân tộc chớ không phải chỉ là kiến thức để kiếm tiền thôi. Dầu anh không phải là nhà chánh trị, địa vị đặc biệt của anh trong một nước đặc biệt chậm tiến phải là ngọn hải đăng cho mọi người tham chánh. Anh là thầy, là cố vấn, là kẻ soi đường không phải riêng các nhà chánh trị gia mà cho cả dân tộc. Anh là bao nhiêu hy vọng của nước Việt Nam tương lai. Anh là gạch nối giữa văn hóa Việt Nam và các văn hóa khác. Tóm lại anh là tinh hoa của đất nước.

Nhưng anh có xứng đáng được địa vị ưu thắng nói trên không là tùy thuộc nơi anh. Nếu anh từ chối chấp nhận vai trò của anh thì dân tộc và lịch sử sẽ từ chối chấp nhận anh và chỉ coi anh như là cái bị đựng kiến thức. Điều đó tôi tin chắc anh không hề muốn vì nó là điều sỉ nhục cho danh dự anh, cho công trình học tập của anh, cho những ai đã kỳ vọng nhiều nơi anh. Hơn nữa nếu anh không chấp nhận vai trò của anh thì những kẻ đồ điếu sẽ đến thay anh lãnh đạo để đưa đất nước nầy vào vòng nô lệ cho ngoại bang. Chừng đó trách nhiệm kia anh sẽ gánh vác lấy một phần và tiếng nhơ muôn đời để lại. Lịch sử ta đã chép những trang nhục nhã của Lê Chiêu Thống cõng rắn cắn gà nhà. Là người Việt Nam hãnh hiện với truyền thống chống ngoại xâm, tôi tin anh không muốn lịch sử lại ghi thêm những trang nhơ nhớp khác. Tôi tin anh là người nhiệt thành yêu nước, và vì yêu nước anh không hề muốn thấy đất nước bị bom đạn cày nát, công trình xây dựng bị phá tan, máu xương người Việt tiếp tục rơi trong một cuộc nội chiến tương tàn. Chiến tranh phải chấm dứt,

đó là kết luận của anh. Ai cũng biết thế, ai cũng mong có thế. Nhưng mỗi ngày qua càng thấy các báo cáo về thiệt hại nhân mạng và tài nguyên càng chồng chất, mà viễn ảnh hòa bình vẫn không sáng sủa gì hơn. Đó là sự điên rồ không thể tả.

Toàn dân nhìn về anh, coi từng cử chỉ của anh, nhìn từng thái độ của anh, nghe từng lời nói của anh và nhứt là trông đợi sự dấn thân của anh. Sự dấn thân đó là một đáp ứng can đảm trước một tình thế cực kỳ nguy hiểm của dân tộc. Nhưng toàn dân ghi nhận lòng quả cảm của anh. *Dân tộc đã từng thấy trí thức đào ngũ theo giặc, qua Pháp, tuyên bố yêu nước một cách ồn ào.* Dân tộc đã phủ nhận họ rồi và họ đang đi vào quên lãng. Cho nên người dân thường hoài nghi trí thức. Anh là người trưởng thành sau Thế Chiến thứ Hai, người Việt Nam không bị lôi cuốn vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhưng đã từng chứng kiến một xã hội đang xáo trộn vì những rạn nứt trầm trọng. Anh đã từng thấy đàn anh của mình bất tài bất lực không chịu nhìn thẳng vào thực chất của cơn bịnh xã hội đó và để mất đi cơ hội cải tạo nó và trở về với dân tộc. Anh đã từng thấy đàn anh của mình khoanh tay ngồi chờ ngoại bang mà không đưa ra một giải pháp nào cho cơn sốt của nông thôn. Khi giải pháp cộng sản được mang tới thì đàn anh của anh đã bị dồn vào thế bị động chỉ còn có trông chờ ở ngoại bang để cứu vãn lấy mình. Nhưng anh thì có lẽ khác. Anh không ngây ngô như những người đi trước, cũng không dễ tin hơn họ. Chính nơi anh mà nhiều người sau khi đã mất gần hết niềm tin lại gom góp niềm tin cuối cùng để trao cho anh. Nếu anh không nói gì, không làm gì thì cũng chẳng ai nói gì, làm gì anh. Nhưng lịch sử là thẩm phán tối cao và công minh.

Tin tưởng rằng người trí thức không thể xa lánh cuộc đời cũng như không thể nhắm mắt trước thực trạng của đất nước, tôi khai mào một cuộc đối thoại mà tôi tin sẽ soi sáng bước đi của chúng ta và tìm một giải pháp Việt Nam cho vấn đề Việt Nam. Tôi đón nhận anh như người nông dân đón nhận mưa sau nhiều tháng hạ. Tôi không thúc bách anh mà cũng không cầu khẩn anh. Nếu tôi phải nói giữa sa mạc thì tôi sẽ là chứng nhân bất đắc dĩ của một thái độ. Và hãy để cho lịch sử bước vào ghi lấy thái độ đó.

Mong được nghe anh

LÊ DUY TÂM